PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 ban hành Danh mục tạm thời thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm được phép lưu hành tại Việt Nam

DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM NHẬP KHẨU

2. DANH MỤC TẠM THỜI THỨC ĂN CHĂN NUÔI GIA SÚC, GIA CẦM NHẬP KHẨU

b) THỨC ĂN CHĂN NUÔI CHƯA CÓ QUY CHUẨN KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2012/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 6 năm 2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

THỨC ĂN CHĂN NUÔI NHẬP KHẨU THEO NGUỒN GỐC XUẤT XỨ

(Tiếp theo Công báo số 445 + 446)

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
794	Hinacox Salin (10% Salinomycin Sodium Premix)	68-03/08-CN	Bổ sung Salinomycin Sodium trong thức ăn chăn nuôi gà nhằm kích thích tăng trưởng vật nuôi	Dạng hạt, màu trắng hoặc vàng nhạt, màu vàng đất	Hinapharm Pharmaceutical Co., Ltd. Foshan	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
795	Hinacox Sulfdiav (20% Sulfaquina-xaline + 4% Diaveridine Premix)	172-6/08-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi nhằm bổ sung Sulfaquinaxaline và Diaveridine, tác nhân ngăn chặn bệnh cầu trùng cho gia cầm	Dạng bột, màu trắng hay phớt vàng	Hinapharm Pharmaceutical Co., Ltd. Foshan	China
796	Hinacyr (1% Cyromazine Premix)	70-03/08-CN	Bổ sung Cyromazine trong thức ăn chăn nuôi gà, có tác dụng giảm phát triển ấu trùng trong phân gà nhằm cải thiện môi trường chăn nuôi	Dạng hạt, màu gần như trắng	Hinapharm Pharmaceutical Co., Ltd. Foshan	China
797	Hinaenro (50% Enrofloxacin Premix)	174-6/08-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi nhằm bổ sung Enrofloxacin, tác nhân ức chế hoạt động của vi khuẩn đường ruột	Dạng hạt hình cầu bọc vi nang, màu vàng nhạt hoặc vàng	Hinapharm Pharmaceutical Co., Ltd. Foshan	China
798	HINAFEN5% Fenbendazole Premix	233-8/07-CN	Phụ gia dùng bổ sung Fenbendazole trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng hoặc xám trắng	Hinapharm Pharmaceutical Co., Ltd. Foshan	China
799	HINAFULL10 % Kitasamycin Premix	231-8/07-CN	Phụ gia dùng bổ sung Kitasamysin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu vàng nghệ	Hinapharm Pharmaceutical Co., Ltd. Foshan	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
800	HINAKITA50% Kitasamycin Premix	234-8/07-CN	Phụ gia dùng bổ sung Kitasamysin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu vàng hoặc màu vàng nhạt	Hinapharm Pharmaceutical Co., Ltd. Foshan	China
801	HINANEO15,4 % Neomycin Sulfate Premix	232-8/07-CN	Phụ gia dùng bổ sung Neomycin Sulfate trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt hoặc bột, màu vàng nhạt	Hinapharm Pharmaceutical Co., Ltd. Foshan	China
802	Hing efficiemcy Compound Enzymes	224-07/06-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu sẫm	Nanning Dazhihuang Fovage Products Co., Ltd	China
803	Hono L + S	98-04/06-CN	Thức ăn bổ sung chứa lincomycin hydrochoride và spectinomycin sulfate nhằm tăng hiệu quả của TĂCN, tăng năng suất vật nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu trắng	Chongqing Honoroad Animal health Co., Ltd	China
804	Honophos	105-12/04-NN	Bổ sung enzyme trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng hấp thụ Photpho cho vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Chongqing Honoroad Co., Ltd.,	China
805	Honovita	CC-1786-11/03-NN	Chất bổ sung vitamin trong TĂCN	Bột màu vàng	Chongqing Honoroad. Co. Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
806	HORiZnO 50 (Coated Zinc Oxide 50%)	49-02/12-CN	Bổ sung kẽm (dưới dạng ôxít kẽm) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu trắng hoặc vàng	Hangzhou King Techina Feed Co., Ltd	China
807	Hương bột cá Fish Flavor	HH-1928-6/04-NN	Chất tạo hương cá bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu vàng	Beijing Trend Science and Technology Co., Ltd	China
808	Hương Cá (Fishiness Spice)	VC-1500-5/03-KNKL	Bổ sung hương cá trong TĂCN		Vân Hoa	China
809	Hương Quả (Sweet Spice)	VC-1499-5/03-KNKL	Bổ sung vị ngọt trong TĂCN		Vân Hoa	China
810	Hương Sữa (Frankin Cense Spice)	VC-1501-5/03-KNKL	Bổ sung hương sữa trong TĂCN		Vân Hoa	China
811	Hương sữa đặc Milk Flavor	HH-1927-6/04-NN	Chất tạo hương sữa bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Trend Science and Technology Co., Ltd	China
812	Hương sữa ngọt (jiamei-9300)	TT-681-9/02-KNKL	Chất tạo mùi trong TĂCN		Cty TNHH Tinh dầu thơm Gia. Trùng Khánh	China
813	Hydrogen Calcium Photphat	CC-1492-4/03-KNKL	Bổ sung Ca, P trong TĂCN		Hóa chất Hồng Hà. Vân Nam	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
814	Ideal Fishy Flavour	GI-279-9/00-KNKL	Chất tạo hương: Tạo mùi cá	Bột màu vàng	Guangzhou Ideal Feed Development.China	China
815	Inositol	59-02/10-CN	Bổ sung Inositol nhằm tăng khả năng tiêu hóa và hấp thu Phot pho (P) trong thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Xi'an Hao Tian Bio-Engineering Technology Co., Ltd	China
816	Inositol	321-10/07-CN	Inositol, phụ gia bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Zhucheng Haotian Pharm Co. Ltd	China
817	Inositol	202-7/11-CN	Bổ sung inositol trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng tinh thể, màu trắng	Zhucheng Haotian Pharm Co., Ltd	China
818	Inositol	338-11/07-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi nhằm bổ sung chất dinh dưỡng cho vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Shanghe Xianju Inositol Factory	China
819	Inositol	70-02/06-CN	Cung cấp Inositol cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Changzhou Whole Fortune Pharmaceutical Co., Ltd	China
820	Inositol Nf12	CT-560-6/02-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN		China National Chemical Construction Corporation	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
821	Iron-G 100	164-5/07-CN	Bổ sung khoáng (Sắt) hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng nhạt	China Bestar Laboratories Ltd	China
822	Jiamei 203-Feed Flavour	JT-638-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi sữa trong thức ăn chăn nuôi		Jiamei	China
823	Jiamei 9300-Milk Sweet Type Aromatizer	JT-635-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi sữa trong thức ăn chăn nuôi		Chongqing Jiamei Perfumery Co., Ltd	China
824	Jiamei 9300-Milk Sweet Type Aromatizer	JT-635-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi sữa trong thức ăn chăn nuôi		Chongqing Jiamei Perfumery Co., Ltd	China
825	Jiamei 9302-Roats Soybean Type Aromatizer	JT-639-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi đậu nành trong thức ăn chăn nuôi		Jiamei	China
826	Jiamei 9305-Fish Meal Type Aromatizer	JT-636-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi hương cá trong thức ăn chăn nuôi		Jiamei	China
827	Jiamei 9306-Fruit Fragrant Type Aromatizer	JT-640-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo hương hoa quả trong thức ăn chăn nuôi		Jiamei	China
828	Jiamei 9312-Fruit And Milk Fragrant Type Aromatizer	JT-641-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi sữa và hương hoa quả trong thức ăn chăn nuôi		Jiamei	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
829	Jiamei Flavour	CJ-279-9/00-KNKL	Bổ sung chất tạo mùi sữa trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng nhạt	Chongoing Jiamei essence Material Co. Ltd	China
830	Jiamei Flavour (Jiamei Xiang)	CT-682-9/02/-KNKL	Chất tạo mùi trong TĂCN		Chongqing Jiamei Perfumery Co.Ltd	China
831	Jiamei- Sweet Taste Flavouring	JT-637-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi		Chongqing Jiamei Perfumery Co., Ltd.	China
832	Jiamei- Sweet Taste Flavouring	JT-637-8/02-KNKL	Bổ sung chất tạo ngọt trong thức ăn chăn nuôi		Chongqing Jiamei Perfumery Co., Ltd.	China
833	Jin Huang Suy (15)	GT-1645-8/03-KNKL	Chất bổ sung sắc tố trong TĂCN	Bột màu vàng	Guangzhou Wisdom Feed Technology Co. Ltd	China
834	Jin Huang Suy (20)	GT-1644-8/03-KNKL	Chất bổ sung sắc tố trong TĂCN	Bột màu vàng	Guangzhou Wisdom Feed Technology Co. Ltd	China
835	Jin Qian Bao Creep Feed	131-4/11-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con tập ăn giai đoạn từ 5 ngày tuổi đến 10 kg trọng lượng	Dạng mảnh, màu vàng nhạt	Goldcoin (Zhuhai) Co. Ltd	China
836	K3 MSB	45-02/09-CN	Vitamin K_3 (menadione) dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng đến hơi nâu	Brother Enterprises Holding Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
837	Kangyue Flavour	NK-279-9/00-KNKL	Chất tạo hương sữa dùng chế biến TĂCN	Bột màu vàng	Nanning Kang Yue Feed Co. Ltd	China
838	KC-Biomix	212-06/09-CN	Bổ sung premix vitamin và axit amin thiết yếu cho vật nuôi	Dạng dung dịch màu nâu vàng	Kor-Chin Biotech Co., Ltd	China
839	KC-POL	373-12/09-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin, khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Kor-Chin Biotech Co. Ltd	China
840	KDN Bacillus PF Dry	141-5/07-CN	Chế phẩm vi sinh Bacillus dùng bổ sung vi khuẩn có ích cho đường tiêu hóa của vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Sandong Liuhe Agri-farm Biotechnology Co., Ltd	China
841	KDN Bacillus PF Liquid	142-5/07-CN	Chế phẩm vi sinh Bacillus dùng bổ sung vi khuẩn có ích cho đường tiêu hóa của vật nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Sandong Liuhe Agri-farm Biotechnology Co., Ltd	China
842	Kechongwei	WC-1520-5/03-KNKL	Chất bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN	Bột màu nâu đen	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China
843	Khô dầu bông (Cotton Seed Meal)	HC-1404-01/03-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Hekou Wangda Trading Co. Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
844	Khô dầu dừa (Copra Expellers, Copra Extraction Pellets, Copra Ex-Pellets)	BG-166-6/01-KNKL	Làm nguyên liệu chế biến TĂCN		Philippin...	China
845	Khô dầu hạt cải	TT-1711-9/03-KNKL	Bổ sung Prôtein trong TĂCN		TNHH ép dầu thực vật Hồng Kỳ. Khu Thanh Bạch Giang. Thành phố Thành Đô	China
846	Khô dầu hạt cải	CT-692-8/02-KNKL	Cung cấp protein trong TĂCN	Dạng bột màu vàng	TNHH Lương Dần. Nghênh Tiên Tân Tân. Thành Đô. Tứ Xuyên	China
847	Khô dầu hạt cải	GT-1332-11/02-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Guoqing Rateseed Lees.Chendu	China
848	Khô dầu hạt cải (Rape seed meal)	GC-1746-10/03-NN	Bổ sung đạm trong TĂCN		Guizhou Kangxin Grease	China
849	Khô dầu hướng dương (Sunflower Meal)	HC-1405-01/03-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Hekou Wangda Trading Co. Ltd	China
850	KIO_3 (Potassium Iodate)	339-8/05-NN	Bổ sung I trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt hoặc trắng	China National Pharmaceutical Foreign Trade Corporation	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
851	Kitasafeed	CC-1788-11/03-NN	Bổ sung men tiêu hóa và chất kháng khuẩn trong TĂCN	Bột màu vàng nhạt	Chongqing Honoroad. Co. Ltd	China
852	Kitasamycin Premix	111-3/12-CN	Bổ sung kháng sinh Kitasamycin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi	Dạng hạt, màu vàng	Jiangxi Tianjia Animal Pharmaceutical Co., Ltd	China
853	Kitasamycin premix (Jia ji Kang)	74-3/11-CN	Bổ sung kháng sinh Kitasamycin trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng sinh trưởng của vật nuôi	Dạng hạt, màu vàng	Ganzhou Bailing Animal Medicine Co., Ltd	China
854	Kitasamycin Premix (kangnuo-500)	245-07/09-CN	Phụ gia bổ sung Kitasamycin trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Bột màu trắng hoặc vàng nhạt	HangZhou King Techina Technology Co., Ltd	China
855	Lactic Acid	16-01/09-CN	Bổ sung axit Lactic trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Yixing Tianshi Feed Co., Ltd	China
856	Lactic acid 90% Food grade	424-10/10-CN	Phụ gia, bổ sung axit lactic trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng	Anhui BBCA & Galactic Lactic Acid Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
857	Lactometh (Hydroxyl Methionine Chelated Zinc)	263-9/11-CN	Bổ sung Kẽm hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi bò sữa	Dạng bột, màu trắng xám	XJ Biotech Co., Ltd	China
858	Lactose	QT-1388-12/02-KNKL	Bổ sung Lacto trong TĂCN		Qingdao Haidabaichua N Biological Engineering Co. Ltd	China
859	L-ascorbate-2-monophosphate	332-9/08-CN	Bổ sung vitamin C trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Shijiazhuang Pharma. Weisheng Pharma-ceutical (Shijiazhuang) Co., Ltd	China
860	L-Ascorbate-2-Phosphate 35%	391-10/05-NN	Bổ sung vitamin C trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Anhwei Tiger Biotech Co., Ltd	China
861	L-Ascorbate-2-Phosphate 35%	109-04/06-CN	Bổ sung vitamin C trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Anhwei Tiger Biotech Co., Ltd	China
862	Layer Concentrate Feed (Vitamins)	064-10/04-NN	Bổ sung vitamin cho gà đẻ	Dạng bột, màu vàng nhạt	Evialis (Shandong) Co., Ltd	China
863	L-Carnitine Hydrochloride	17-01/09-CN	Bổ sung Carnitine trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Yixing Tianshi Feed Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
864	Leader Lactic Acid	322-10/09-CN	Bổ sung axit Lactic vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Guangzhou Leader Bio-Technology Co., Ltd	China
865	Leader Red (Jiuzhou Red)	284-10/06-CN	Bổ sung chất Cantha-xanthin nhằm tạo sắc tố cho lòng đỏ trứng gà, da chân gà	Dạng bột, màu đỏ	Guangzhou Leader Bio-Technology Co., Ltd	China
866	Leader Sodium Butyrate	323-10/09-CN	Bổ sung muối axit hữu cơ (Natri Butyrate) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Guangzhou Leader Bio-Technology Co., Ltd	China
867	Leader Yellow	285-10/06-CN	Bổ sung chất Xantho-phyll nhằm tạo sắc tố cho lòng đỏ trứng gà, da chân gà	Dạng bột, màu vàng	Guangzhou Leader Bio-Technology Co., Ltd	China
868	Lecithin	12-01/12-CN	Lecithin, dùng làm thức ăn bổ sung cho gia súc và gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	Huiyu Feed Protein (Fang Cheng Gang) Co., Ltd	China
869	Lecithin	QT-1393-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN		Qingdao Haidabaichua N Biological Engineering Co. Ltd	China
870	Lee Mecon	321-9/08-CN	Chế phẩm vi sinh nhằm bổ sung vi khuẩn có ích cho đường tiêu hóa của vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Shenyang Sunrise Biotech Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
871	Lee-Mecon	184-7/08-CN	Chế phẩm vi sinh dùng bổ sung men có ích cho đường ruột của vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Shenyang Sunrise Biotech Co., Ltd	China
872	Lincomix 110 Premix	PC-1633-8/03-KNKL	Mycoplasma cho lợn		Suzhou	China
873	Lincomix 44 Premix	PC-1632-8/03-KNKL	Phòng bệnh hồng lỵ và Mycoplasma cho lợn	Dạng bột, màu trắng và trắng nhạt	Pfizer Pharmacia Suzhou	China
874	Lincomycin hydrochloride and Spectinomycin Sulfate premix (Jiajian)	248-07/09-CN	Phụ gia bổ sung Lincomycin hydroch-loride và Spectinomycin Sulfate trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Bột màu nâu hoặc nâu xám	HangZhou King Techina Technology Co., Ltd	China
875	Linco-Spectin 44 Premix	PC-1634-8/03-KNKL	Phòng bệnh hồng lỵ và Mycoplasma cho lợn	Dạng bột, màu trắng và trắng nhạt	Pfizer Pharmacia Suzhou	China
876	Liquid Vitamin C	112-04/06-CN	Bổ sung vitamin C trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng không màu hoặc màu vàng nhạt	Anhwei Tiger Biotech Co., Ltd	China
877	Liquid Vitamin C	394-10/05-NN	Bổ sung vitamin C trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng không màu hoặc màu vàng nhạt	Anhwei Tiger Biotech Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
878	Luctacid	28-02/10-CN	Bổ sung chất acid trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng xám	Lucta (Guangzhou) Flavours Co., Ltd	China
879	Luctamold	27-02/10-CN	Chất chống mốc dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lucta (Guangzhou) Flavours Co., Ltd	China
880	Luctanox PX	202-5/10-CN	Bổ sung hỗn hợp chất chống oxi hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem nâu	Lucta (Guangzhou) Flavours Co., Ltd	China
881	Luctarom D	208-5/10-CN	Bổ sung chất tạo mùi hương cá trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lucta (Guangzhou) Flavours Co., Ltd	China
882	Luctarom Fruity	24-02/10-CN	Hương liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hồng nhạt	Lucta (Guangzhou) Flavours Co., Ltd	China
883	Luctarom Milky	25-02/10-CN	Hương liệu dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Lucta (Guangzhou) Flavours Co., Ltd	China
884	Luctarom Sucklers "S" 1806Z	122-04/06-CN	Phụ gia TACN nhằm kích thích tính thèm ăn, cải thiện hiệu quả TACN và tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lucta (Guangzhou) Flavours Co., Ltd	China
885	Luctasweet	26-02/10-CN	Chất tạo ngọt dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Lucta (Guangzhou) Flavours Co., Ltd	China
886	Luprosil Adsorbate	223-8/07-CN	Bổ sung chất chống mốc (axit propionic), trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	Guangdong TongYong Food Feed Additive Combined	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
					Experiment Factory Co., Ltd hoặc BASF Company Limited	
887	Luprosil Salt	222-8/07-CN	Bổ sung chất chống mốc (Calcium propionate), trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	Nanjing YPC Fine Chemical Industry Company hoặc BASF Company Limited	China
888	Lysozyme	205-7/07-CN	Phụ gia nhằm bổ sung Enzym Lysozyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Wuhan Sunhy Biology Co. Ltd	China
889	Maduramicin Ammonium Premix	108-4/08-CN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm tăng sinh trưởng vật nuôi và ngăn ngừa bệnh cầu trùng	Dạng bột, màu trắng	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China
890	Maduramicin Ammonium Premix	430-11/05-NN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	Dạng bột hoặc hạt, màu vàng hoặc vàng nâu	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co., Ltd	China
891	Maduramicin Ammonium Premix	115-04/06-CN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	Dạng bột hoặc hạt, màu vàng hoặc vàng nâu	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
892	Magicoh HJ-1^{TM}	HC-452-02/02-KNKL	Làm chất kết dính trong TĂCN		Huzhou International Trade Co. Ltd	China
893	Mami-Sol	374-12/09-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin, khoáng và axit amin trong thức ăn chăn nuôi lợn giống	Dạng bột, màu cam	Kor-Chin Biotech Co. Ltd	China
894	Manganese Concentrate 57%	QC-312-9/10-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Bột màu nâu đất	Quangzhou Chemical Plant. Quangzhou Guangxi	China
895	Manganese Concentrated 62% (Manganese Oxide 62%)	NW-49-1/00-KNKL	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi		Changsha IndustryChina	China
896	Manganese Sulphate	KV-230-7/00-KNKL	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi		Khang Vu	China
897	Manganese Sulphate ($MnSO_4$)	219-07/06-CN	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Guangxi Nanning Runnong (Farmers) Feed Limited Liability Company	China
898	Manganese Sulphate 98%	CX-327-12/00-KNKL	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu xám	Changsha Xianben Chemical Plant	China
899	Manganese Sulphate 98%	NW-48-1/00-KNKL	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi		Guangxi Quangzhou	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
900	Manganese Sulphate $MnSO_4.H_2O$	003-7/04-NN	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột kết tinh hồng nhạt	China National Pharmaceutical Foreign Trade Co	China
901	Manganesse Oxide	QT-308-11/00-KNKL	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu nâu tro	Quangzhou Tianxing	China
902	Manganous Oxide MnO	005-7/04-NN	Bổ sung Mangan (Mn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột kết tinh có màu xanh xám	China National Pharmaceutical Foreign Trade Co	China
903	Mannanase	206-7/07-CN	Phụ gia nhằm bổ sung Enzym Mannanase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Wuhan Sunhy Biology Co. Ltd	China
904	Maxarome M1	16-01/08-CN	Chất tạo mùi hương sữa, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	BFI Innovations (Shanghai) Co., Ltd	China
905	MDCP 21 Lomon	71-2/07-CN	Cung cấp canxi, phospho chất lượng cao cho động vật	Dạng hạt, màu trắng	Sichuan Lomon Phosphorous Products Inc	China
906	Meiji Phytase 5000	440-11/10-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc và gia cầm	Dạng bột hoặc hạt nhỏ, màu trắng hoặc vàng nhạt	Beijing Challenge Bio-technology Limited Company	China
907	$MgSO_4.H_2O$	XC-1491-5/03-KNKL	Bổ sung khoáng Mg trong TĂCN		Xưởng TĂGS tinh chế 5 SAo. Địa khu Nam Ninh	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
908	Micronutrients TBCC	383- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung nguyên tố đồng vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xanh	Shenzhen Dongjiang Heritage Technologies Co., Ltd	China
909	Microtech 5000	GC-1514-5/03-KNKL	Chất bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Bột màu trắng xám hơi nâu	Guangdong VTR Biotech	China
910	Microtech L 5000	207-7/07-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu hoặc nâu đen	Guangdong VTR Bio-tech Co. Ltd	China
911	Microvit B_5 Premix	AA-48-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_5 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Adisseo	China
912	Microvit ^{TM} B_1 Promix	AA-49-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_1 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	China
913	Microvit ^{TM} B_6 Promix	AA-50-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_6 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	China
914	Microvit^{TM} B_3 Promix (Niacin)	AA-45-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_3 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	China
915	Mildew Retarding Treasure	86-03/06-CN	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Yixing Tianshi Feed Co., Ltd	China
916	Mildew Retarding Treasure	86-03/06-CN	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Yixing Tianshi Feed Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
917	Milk Flavor	99-4/08-CN	Bổ sung chất tạo hương sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc hồng nhạt	Chengdu Prevail Feed Science and Technology Co., Ltd	China
918	Milk Flavor	181-6/07-CN	Phụ gia bổ sung hương sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	DadHank (Chengdu) Biotech Corp	China
919	Milk Flavour (Frankincense Spice)	YQ-1637-8/03-KNKL	Bổ sung hương sữa trong TĂCN		Yun Hua.Vân Nam	China
920	Milk Flavour (hương sữa)	CC-1651-9/03-KNKL	Bổ sung hương sữa trong TĂCN		DadHank (Chengdu) Biotech Corp	China
921	Mintai Allitridum	103-3/10-CN	Bổ sung dầu tỏi vào thức ăn chăn nuôi giúp nâng cao sức đề kháng cho vật nuôi	Dạng bột, màu xám bạc	Chongqing Mintai Perfum Chemicals Company, Ltd	China
922	Mintai Feed Antimold	MC-223-7/00-KNKL	Chất chống mốc		Mintai Perfume Chemicals Company, Ltd. ChongQing	China
923	Mintai Flavour	MC-224-7/00-KNKL	Chất tạo hương cho thức ăn chăn nuôi		Mintai Perfume Chemicals Company, Ltd. ChongQing	China
924	Mintai Sweetening	MC-299-10/00-KNKL	Chất tạo vị ngọt cho TĂCN	Bột màu trắng	Mintai Chong QingChemical IndustryCo. Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
925	Mintai Sweetening	MC-299-10/00-KNKL	Chất tạo vị ngọt cho TĂCN	Bột màu trắng	Mintai Perfume Chemicals Company, Ltd. ChongQing	China
926	Mintaifish Flavours	MC-298-10/00-KNKL	Chất tạo hương, tạo mùi cá	Bột màu vàng	Mintai Perfume Chemicals Company, Ltd. ChongQing	China
927	Monenfeed	112-12/04-NN	Sản phẩm chứa Monenfeed bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn của vật nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu nâu	Chongqing Honoroad Co., Ltd	China
928	Monensin Premix 20%	429-11/05-NN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	Dạng bột hoặc hạt, màu xám trắng hoặc xám nâu	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co., Ltd	China
929	Monensin Premix 20%	114-04/06-CN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	Dạng bột hoặc hạt, màu xám trắng hoặc xám nâu	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co., Ltd	China
930	MonoCalcium Phosphate	YC-1398-12/02-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN	Dạng bột, hạt trắng	Yunnan Lilong Chemical Industry Co. Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
931	Mono-Dicalcium Phosphate Feed Grade (MDCP)	71-02/11-CN	Bổ sung khoáng vô cơ Phốt pho và Canxi trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng xám	Sichuan Chuanheng Chemical Corporation	China
932	Monopotassium Phosphate	QT-1391-12/02-KNKL	Bổ sung Phospho trong TĂCN		Qingdao Haidabaichua N Biological Engineering Co. Ltd	China
933	Mycotoxin Absortbent (Shen Wei Jin)	CC-1801-12/03-NN	Bổ sung chất hấp thụ độc tố trong TĂCN		Shanghai Sanwei Tongli Bio-Technology Co., Ltd	China
934	Na Wei Kang	320-9/08-CN	Bổ sung premix vitamin vào thức ăn, nước uống dùng trong chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nâu	Shandong Liuhe Agri-farm Biotechnology Co., Ltd	China
935	Na Wei Sheng	319-9/08-CN	Bổ sung premix vitamin vào thức ăn, nước uống dùng trong chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nâu	Shandong Liuhe Agri-farm Biotechnology Co., Ltd	China
936	Nai Bing Xiang 0316	375-11/11-CN	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi thơm (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Guangdong Ruisheng Technology Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
937	Natri Sunphate (Na_2SO_4)	220-07/06-CN	Bổ sung Natri cân bằng ion trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Sichuan Chengdu Hing (Rong xing) chemical limited liability company	China
938	Neofeed	108-12/04-NN	Sản phẩm chứa Neo-mycin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng hiệu quả sử dụng thức ăn và tăng năng suất vật nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu trắng	Chongqing Honoroad Co., Ltd	China
939	Neofeed Plus	99-04/06-CN	Thức ăn bổ sung chứa lincomycin và spectino-mycin nhằm tăng hiệu quả của TĂCN, tăng năng suất vật nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu nâu sẫm	Chongqing Honoroad Animal health Co., Ltd	China
940	Neomycin Sulphate Premix	109-4/08-CN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng sinh trưởng vật nuôi	Dạng hạt, màu trắng hoặc xám	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China
941	Nicarbazine and Ethopabate Premix	105-4/08-CN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm tăng sinh trưởng vật nuôi và ngăn ngừa bệnh cầu trùng	Dạng bột, màu vàng	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
942	Nosiheptide Premix	87-03/08-CN	Chế phẩm chứa Nosi-heptide, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm kích thích tăng trưởng vật nuôi	Dạng bột, màu xám hoặc nâu	Zhejiang Esigma Animal Health Co., Ltd	China
943	Nu Yang Le	CC-1802-12/03-NN	Bổ sung chất ức chế Urease trong TĂCN		Shanghai Sanwei Feed Additive Co., Ltd	China
944	Nupro	AC 448-01/02-KNKL	Bổ sung đạm cho lợn con		Alltech Inc	China
945	Omniguard	363-11/09-CN	Bổ sung premix khoáng vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám	China Bestar Laboratories Ltd	China
946	Phytacin 5000 Granule	43-02/12-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu từ trắng đến vàng nhạt	Zhejiang University Sunny Nutrition Technology Co., Ltd	China
947	Phytacin 5000 Granule HT	42-02/12-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu từ trắng đến vàng nhạt	Zhejiang University Sunny Nutrition Technology Co., Ltd.	China
948	Phytase	145-5/07-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải	Dạng hạt, màu trắng	Beijing Enhalor International Tech Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			tiến việc sử dụng các chất dinh dưỡng cho vật nuôi			
949	Phytase (Feed Grade)	301-10/07-CN	Phụ gia nhằm nâng cao khả năng hấp thu phospho trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột hoặc hạt, màu trắng hoặc vàng nhạt	Sunson Industry Group Co., Ltd	China
950	Phytase (Feed Grade)	301-10/07-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột hoặc hạt, màu trắng hoặc vàng nhạt	Sunson Industry Group Co., Ltd	China
951	Phytase 5000U/g Coated	349-10/09-CN	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu vàng	Beijing Challenge Bio-technology Co., Ltd	China
952	Phytase 5000U/g dry	456-12/05-CN	Bổ sung enzyme nhằm tăng khả năng hấp thụ Photpho trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc nâu nhạt	Shandong Liuhe Agrifarm Biotechnology Co., Ltd	China
953	Phytase 5000U/g Pellet	320-10/07-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi vàng	Beijing Smile Feed Sci. & Tech. Co., Ltd	China
954	Pig Concentrate Feed (Minerals)	126-01/05-NN	Bổ sung khoáng trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu vàng nhạt	Evialis (Shandong) Co., Ltd	China
955	Pig Concentrate Feed (Vitamins)	066-10/04-NN	Bổ sung vitamin cho lợn	Dạng bột, màu vàng nhạt	Evialis (Shandong) Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
956	Pig Flavour (Doo9)	QP-254-8/00-KNKL	Chất tạo mùi		Quangxi Peter Hand	China
957	Pig Mineral (Boo2)	QP-253-8/00-KNKL	Bổ sung chất khoáng cho lợn		Quangxi Peter Hand	China
958	Pig Mineral Premix	TQ-226-6/01-KNKL	Bổ sung khoáng cho lợn	Màu nâu	Tianfu Technology Feed Co.Ltd	China
959	Pig Plavour	TQ-229-6/01-KNKL	Bổ sung hương liệu	Màu vàng	Tianfu Technology Feed Co.Ltd	China
960	Pig Vitamin	TQ-225-6/01-KNKL	Bổ sung vitamin cho lợn	Màu nâu nhạt, vàng	Tianfu Technology Feed Co.Ltd	China
961	Pig Vitamin	JT-633-8/02-KNKL	Bổ sung Vitamin cho lợn		Jiamei	China
962	Pig Vitamin (Boo5)	QP-252-8/00-KNKL	Bổ sung Vitamin cho lợn		Quangxi Peter Hand	China
963	Piglet complete feed (Artificial milk)	03-01/11-CN	Thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh cho lợn con từ 7 ngày tuổi đến 10kg trọng lượng	Dạng bột, từ màu nâu đến màu vàng nhạt	Anhui Anyou Bio-Tech Co., Ltd	China
964	Piglet concentrate feed	335-7/05-NN	Bổ sung dinh dưỡng cho lợn con, làm tăng khả năng miễn dịch	Dạng bột màu vàng	Guyomarc'h N.A. Qingdao	China
965	Piglet Concentrated Feed: 10810	50-02/09-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi bổ sung protein, vitamin, khoáng chất	Dạng bột, màu vàng nhạt	Shenzhen Jinxinnong Feed Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			trong thức ăn cho lợn con			
966	Poison Compound Mould Inhibitor of Feed	222-07/06-CN	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng đục	Foison - Weifeng Fengxiang Flavor Co., Ltd	China
967	Polic Acid Vitamin B_9	AA-51-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_9 cho TĂCN	Dạng bột, màu vàng cam	Adisseo ..	China
968	Premix (Enramycin) 4%	06-01/12-CN	Bổ sung kháng sinh Enramycin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu xám	Guangzhou Haicheng Pharmaceutical Co., Ltd	China
969	Premix (Enramycin) 8%	07-01/12-CN	Bổ sung kháng sinh Enramycin trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm tăng khả năng sinh trưởng vật nuôi	Dạng bột, màu nâu hoặc nâu xám	Guangzhou Haicheng Pharmaceutical Co., Ltd	China
970	Premix Vitamin (Cho Gà Thịt)	TQ-674-8/02-KNKL	Bổ sung Vitamin trong TĂCN		Jiamai Trùng Khánh	China
971	Premix Vitamin (Cho Lợn Thịt)	TQ-675-8/02-KNKL	Bổ sung Vitamin trong TĂCN		Jiamai Trùng Khánh	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
972	Prime Golden	42-02/11-CN	Bổ sung chất tạo màu Xanthophyll (chiết xuất từ hoa cúc vạn thọ) trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng bột, màu vàng	Chengdu Fenglan Science & Technology Co. Ltd	China
973	Prolac	67-1/07-CN	Protein đậu nành và các sản phẩm từ sữa nhằm bổ sung dưỡng chất trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Shanghai Otter Feed Science and Technology Co., Ltd	China
974	Prolac 42	136-5/07-CN	Chất thay thế sữa, dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Shanghai Otter Feed Science and Technology Company Limited	China
975	Purer F101	330-10/09-CN	Bổ sung hương sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Guangdong Yunhua Industrial Co., Ltd	China
976	Purer F102	331-10/09-CN	Bổ sung hương sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Guangdong Yunhua Industrial Co., Ltd	China
977	Purer F201	332-10/09-CN	Bổ sung hương trái cây (dâu tây) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Guangdong Yunhua Industrial Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
978	Purer F202	333-10/09-CN	Bổ sung hương trái cây tổng hợp trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Guangdong Yunhua Industrial Co., Ltd	China
979	Purui 301 Feed Flavour	354-12/06-CN	Bổ sung hương sữa thuần trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đen, vàng nhạt hoặc nâu nhạt	Chongqing Purui Perfumery Chemical Industry Co., Ltd	China
980	Purui 302 Feed Flavour	355-12/06-CN	Bổ sung hương hoa quả trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đen, vàng nhạt hoặc nâu nhạt	Chongqing Purui Perfumery Chemical Industry Co., Ltd	China
981	Purui 303 Feed Flavour	356-12/06-CN	Bổ sung hương cá trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đen, vàng nhạt hoặc nâu nhạt	Chongqing Purui Perfumery Chemical Industry Co., Ltd	China
982	Qilimix	361-12/06-CN	Bổ sung khoáng hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đen, vàng nhạt hoặc nâu nhạt	Guangzhou Tanke Bio Tech Co., Ltd	China
983	Quail Concentrate Feed (Vitamins)	065-10/04-NN	Bổ sung vitamin cho chim cút	Dạng bột, màu vàng nhạt	Evialis (Shandong) Co., Ltd.	China
984	Rapid Growth Essence 110	WC-1518-5/03-KNKL	Chất bổ sung acid amin histamin trong TĂCN	Bột màu nâu	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
985	Rapid Health Essence 110	WC-1521-5/03-KNKL	Chất bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN	Bột màu trắng vàng nhạt	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China
986	Riboflavin (Vitamin B_2) 80% Feed Grade	056-10/04-NN	Bổ sung vitamin B_2 trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu vàng cam đến vàng nâu	Hubei Guangji Pharmaceutical Co., Ltd	China
987	Rich Red Cimelia (Fuhongbao)	WC-1522-5/03-KNKL	Chất bổ sung ion Sắt trong TĂCN	Bột màu nâu	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China
988	Robenidine Hydrochloride Premix	86-03/08-CN	Chế phẩm chứa Robenidine Hydroch-loride, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm kích thích tăng trưởng vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Zhejiang Esigma Animal Health Co., Ltd	China
989	Rovimix ® B_6	RT-1344-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin B_6 trong TĂCN	Hạt mịn, màu trắng ngà	DSM Vitamins (Shanghai) Ltd	China
990	Rovimix ® E-50 Adsorbate	AT-1443-02/03-KNKL	Bổ sung vitamin E trong TĂCN	- Hạt mịn, màu trắng hơi vàng	DSM Vitamins (Shanghai) Ltd	China
991	Rovimix ® E-50 Adsorbate	AT-1443-02/03-KNKL	Bổ sung vitamin E trong TĂCN	Hạt mịn, màu trắng hơi vàng	DSM Vitamins (Shanghai) Ltd	China
992	Rovimix® K_3 MNB	46-02/09-CN	Vitamin K_3 (menadione) dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng đến hơi nâu	Brother Enterprises Holding Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
993	Roxarsone	035-8/04-NN	Sản phẩm Asen hữu cơ bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất vật nuôi	Dạng bột màu vàng nhạt hoặc nâu nhạt	Zhejiang Furward Veterinary Pharmaceuticals Co., Ltd	China
994	Roxarsone 98% USP24	ZC-1428-02/03-KNKL	Bổ sung kháng sinh trong TĂCN		Zhejiang Huangyan Vet Pharma Factory	China
995	Ru Xiang 0307	374-11/11-CN	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi thơm (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Guangdong Ruisheng Technology Co., Ltd	China
996	Rui mei hong (RMD Red)	286-10/07-CN	Bổ sung chất tạo màu (β-carotene) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đỏ tím	Nanning Ze Wei Er Feed Co., Ltd	China
997	Safe Iron Climelia (Futiebao)	WC-1523-5/03-KNKL	Chất bổ sung ion Sắt trong TĂCN	Bột màu nâu	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China
998	Sal-Eco 120 (Salinomycin 12%	432-12/08-CN	Phụ gia chứa Salino-mycin sodium dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện năng suất vật nuôi	Dạng hạt, màu nâu hoặc nâu xám	Eco-Biok Animal Health Products Co. Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
999	Salinofeed	107-12/04-NN	Sản phẩm chứa Salinomycin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm kích thích sinh trưởng và tăng năng suất vật nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu nâu	Chongqing Honoroad Co., Ltd	China
1000	Salinomycin Sodium Premix 12%	428-11/05-NN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	Dạng bột hoặc hạt, màu nâu hoặc vàng nâu	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co., Ltd	China
1001	Salinomycin Sodium Premix 12%	113-04/06-CN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn	Dạng bột hoặc hạt, màu nâu hoặc vàng nâu	Shandong Qilu King-Phar Pharmaceutical Co., Ltd	China
1002	Santoquin® Liquid	142-4/10-CN	Bổ sung chất chống oxi hóa (Ethoxyquin) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, nâu đỏ đen	Novus International, Inc	China
1003	Santoquin® Mixture 6	143-4/10-CN	Bổ sung chất chống oxi hóa (Ethoxyquin) vào thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu đen	Novus International, Inc	China
1004	Seper Sweet (Sweet Spice)	YQ-1635-8/03-KNKL	Bổ sung vị ngọt trong TĂCN		Yun Hua. Vân Nam	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1005	Shui Guo Xiang 0317	378-11/11-CN	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi thơm (từ các hợp chất hữu cơ tổng hợp) trong thức ăn cho lợn	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Guangdong Ruisheng Technology Co., Ltd	China
1006	Sida 102 type feed flavour	197-3/05-NN	Bổ sung chất ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Chongqing Jiamei Perfumery Co., Ltd	China
1007	Sida 108 milk type feed flavour	196-3/05-NN	Bổ sung chất tạo hương sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Chongqing Jiamei Perfumery Co., Ltd	China
1008	Sida super sweet taste flavouring	198-3/05-NN	Bổ sung chất ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Chongqing Jiamei Perfumery Co., Ltd	China
1009	Skim Milk Replacer	284-9/07-CN	Bổ sung chất thay thế sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám sáng	Guangdong Yunhua Industial Company Ltd	China
1010	Smizyme Phytase 5000U/g Granular	326-10/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu vàng nhạt	Beijing Smile Feed Sci. & Tech. Co., Ltd	China
1011	Smizyme Phytase 5000U/g Micro-Granular	327-10/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu vàng nhạt	Beijing Smile Feed Sci. & Tech. Co., Ltd.	China
1012	Smizyme Phytase 5000U/g Powder	330-10/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Beijing Smile Feed Sci. & Tech. Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1013	Smizyme Phytase 5000U/g Thermostable Granular	328-10/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu vàng nhạt	Beijing Smile Feed Sci. & Tech. Co., Ltd	China
1014	Smizyme Phytase 5000U/ml Liquid	329-10/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Beijing Smile Feed Sci. & Tech. Co., Ltd	China
1015	Sobuy 98 (Sodium Butyrate)	348-10/09-CN	Bổ sung muối axit béo dễ bay hơi (Sodium Butyrate) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Hangzhou King Techina Feed Co., Ltd	China
1016	Sodium Bicarbonate	IT-400-01/02-KNKL	Cân bằng Ion		Inner MongoliaIhju Chemical	China
1017	Sodium Bicarbonate ($NaHCO_3$)	263-5/05-NN	Bổ sung Na trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Zigong Honghe Chemical Industry Co., Ltd	China
1018	Sodium Butyrate	261-8/07-CN	Chất phụ gia dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu trắng	Wuhan Shenzhou Chemical Co., Ltd	China
1019	Sodium Butyrate ($C_4H_7O_2Na$) Feed Grade	349-12/06-CN	Muối natri của axit butyric bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm nâng cao tỷ lệ hấp thụ chất dinh dưỡng của vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Singao Agribusiness Development Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1020	Sodium Selenite	266 - 7/10 -CN	Phụ gia bổ sung Selen trong thức ăn chăn nuôi	Dạng tinh thể hoặc bột tinh thể	Huanghua Jinhua Additives Co., Ltd	China
1021	Sorbitol (Sorbitol Powder Food Grade)	HC-1421-01/03-KNKL	Bổ sung năng lượng trong TĂCN		Hebei Shengxua Co.Ltd (Forehigh Trade & Industy Co. Ltd.,)	China
1022	Sow Concentrate Feed (Vitamins + Minerals)	121-01/05-NN	Bổ sung vitamin và khoáng trong thức ăn cho lợn nái	Dạng bột, màu vàng nhạt	Evialis (Shandong) Co., Ltd	China
1023	Soya Lecithin	77-3/12-CN	Lecithin (từ hạt đậu tương), bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	Qingdao Hisea Imp. & Exp. Co., Ltd	China
1024	Soya Lecithin (P) Liquid Food Grade	SP-335-10/01-KNKL	Bổ sung chất béo trong TĂCN	Dạng lỏng màu nâu đậm	Sonic Biochem Extractions PVT. Ltd	China
1025	Soycomil R (Soy protein concentrate)	226-4/05-NN	Đạm đậu nành cô đặc nhằm bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Qinhuangdao Goldensea Foodstuff Industries Co., Ltd. (Wilmar/ADM J.V.)	China
1026	Soycomil R (Soycomil protein concentrate)	344-8/05-NN	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Qinhuangdao Goldensea Foodstuf Industries Co., Ltd (Wilmar/ADM J.V.)	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1027	Squid Liver Paste	012-7/04-NN	Bột gan mực bổ sung chất béo giàu năng lượng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng cô đặc, màu nâu đen	Jiashan chem Group	China
1028	Stop-Stress	213-06/09-CN	Bổ sung premix vitamin và các chất điện giải cho vật nuôi	Dạng hạt, màu đỏ hồng	Kor-Chin Biotech Co., Ltd	China
1029	Suan Jian Fei	GT-1643-8/03-KNKL	Chất bổ sung acid hữu cơ trong TĂCN	Bột màu trắng	Guangzhou Wisdom Bio-technology Co., Ltd	China
1030	Sunphase - L5000	194-6/08-CN	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Wuhan Sunhy Biology Co., Ltd	China
1031	Sunphase 5000 (Sunphase Phytase)	441-11/05-NN	Bổ sung enzyme tăng khả năng hấp thu photpho (P) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nhạt	Wuhan Sunhy Biology Co., Ltd	China
1032	Sunzyme	204-7/07-CN	Bổ sung hỗn hợp enzym Xylanase, Mannanase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Wuhan Sunhy Biology Co. Ltd	China
1033	Super Sweet	329-10/09-CN	Bổ sung chất tạo vị ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Guangdong Yunhua Industrial Co., Ltd	China
1034	Sweetening	NC-1487-5/03-KNKL	Tạo vị ngọt trong TĂCN		Nhà máy SX thuốc Thú y. Phụ gia nguyên liệu Minh Châu Chiết Giang	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1035	Sweetening	SC-263-8/01-KNKL	Chất tạo vị ngọt		Mei Nong Feed Co. Ltd. Shanghai	China
1036	Tartrazine (Ning meng huang)	287-10/07-CN	Bổ sung chất tạo màu (Tartrazine) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu đỏ quýt	Wuhan Sunhy Biology Co., Ltd	China
1037	Tea Seed Meal	TT-316-11/01-KNKL	Khử mùi hôi của chất thải trong chăn nuôi		Ningbo Unite Plant Technology Co. Ltd	China
1038	The Flavor of Fish treasure	357-12/06-CN	Bổ sung hương cá trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đen, vàng nhạt hoặc nâu nhạt	Zhejiang Haiyun Biotechnology Co., Ltd	China
1039	The Tankarom	359-12/06-CN	Bổ sung hương sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng ngà	Guangzhou Tanke Bio Tech Co., Ltd	China
1040	The Tankebaal Sweet	358-12/06-CN	Bổ sung vị ngọt trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc trắng ngà	Guangzhou Tanke Bio Tech Co., Ltd	China
1041	Thức ăn lên men (Phụ gia TĂCN bằng rơm rạ)	TT-1371-12/02-KNKL	Phân hủy chất xơ trong TĂCN		Trí Viễn	China
1042	Tiamufeed	101-04/06-CN	Chất bổ trợ chứa kháng sinh giúp tăng cường hiệu suất của vật nuôi và hiệu quả của TĂCN	Dạng hạt nhỏ, màu trắng	Chongqing Honoroad Animal health Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1043	Tianxiangsu	VH-232-7/00-KNKL	Chất tạo mùi sữa		Vân Hoa	China
1044	Trace - Mineral premix for second - phase piglet	234-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho lợn 15 - 35 kg	Dạng bột màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1045	Trace - Mineral premix I for first - phase piglet	222-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho lợn con	Dạng bột màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1046	Trace - Mineral premix II for first - phase piglet	233-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho lợn dưới 15 kg	Dạng bột, màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1047	Trace element premix for piglets	318-8/10-CN	Premix bổ sung vi khoáng trong thức ăn cho lợn sau cai sữa đến 30 kg	Dạng bột, màu sáng	Beijing Qiangda Concentrated Feed Co., Ltd	China
1048	Trace mineral premix feed for beef cattle	128-5/12-CN	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi bò thịt	Dạng bột, màu xám	Shanghai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1049	Trace mineral premix feed for dairy cow	127-5/12-CN	Bổ sung premix khoáng trong thức ăn chăn nuôi bò sữa	Dạng bột, màu xám	Shanghai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1050	Trace -Mineral premix for final - phase meat duckling	227-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho gà vịt thịt giai đoạn cuối	Dạng bột, màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1051	Trace -Mineral premix for first - phase pig grower	235-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho lợn 30 - 60 kg	Dạng bột, màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1052	Trace -Mineral premix for first - phase replacement pullet	236-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho gà hậu bị 0 - 6 tuần tuổi	Dạng bột màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1053	Trace -Mineral premix for first - phase broiler	224-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho gà thịt giai đoạn đầu	Dạng bột màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1054	Trace -Mineral premix for first - phase meat duckling	225-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho gà vịt thịt giai đoạn đầu	Dạng bột màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1055	Trace -Mineral premix for laying hen	223-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho gà đẻ	Dạng bột màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1056	Trace -Mineral premix for middle- phase broiler	237-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho gà thịt 4 - 6 tuần tuổi	Dạng bột màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1057	Trace -Mineral premix for Middle - phase meat duckling	226-5/10-CN	Hỗn hợp khoáng, bổ sung khoáng vi lượng trong thức ăn cho gà vịt thịt giai đoạn giữa	Dạng bột màu xám	Shang Hai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1058	Troivit	NC-1488-5/03-KNKL	Bổ sung Vitamin A, D_3, E trong TĂCN		Nhà máy SX thuốc Thú y. Phụ gia nguyên liệu Minh Châu Chiết Giang	China
1059	Tylosin Phosphate 10% Premix Granular Powder	90-2/07-CN	Premix phụ gia trong TACN nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng của vật nuôi	Dạng bột và hạt, màu vàng nâu	Ningxia Duoweitairui Pharmaceutical Co., Ltd	China
1060	Tylosin Phosphate 25% Premix Granular Powder	91-2/07-CN	Premix phụ gia trong TACN nhằm thúc đẩy sự tăng trưởng của vật nuôi	Dạng bột và hạt, màu vàng nâu	Ningxia Duoweitairui Pharmaceutical Co., Ltd	China
1061	Tylosin Phosphate Premix	110-4/08-CN	Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng sinh trưởng vật nuôi	Dạng bột, màu trắng hoặc xám	Wuxi Zhengda Poultry Co., Ltd	China
1062	Tylosin Tartrate Soluble Powder (Zhi Ke Qing)	247-07/09-CN	Phụ gia bổ sung Tylosin Tartrate Soluble trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu trắng hoặc vàng nhạt	HangZhou King Techina Technology Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			nhằm tăng năng suất vật nuôi			
1063	Ultraphos (DCP)	YP-304-10/00-KNKL	Bổ sung chất khoáng trong TĂCN	Bột màu trắng	Yunnan Phosphate. CoChina	China
1064	VC Phosphate Ester	CC-1804-12/03-NN	Giúp chuyển hóa khoáng trong TĂCN		TNHH chất phụ gia Shanghai Sanwei	China
1065	Vị ngọt tố (Điềm mật bảo) Feed Sweetener	HH-1926-6/04-NN	Chất tạo vị ngọt bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng sữa	Beijing Trend Science and Technology Co., Ltd	China
1066	Vital Wheat Gluten	318-10/08-CN	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Zibo Sanhe	China
1067	Vital Wheat Gluten	137-5/11-CN	Gluten lúa mỳ, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Longcom Enterprise Ltd	China
1068	Vital Wheat Gluten	273-9/11-CN	Gluten lúa mỳ, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Anhui Jinhua Imp./ Exp. Co., Ltd	China
1069	Vital Wheat Gluten	046-8/04-NN	Bổ sung chất kết dính và Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	Shanghai MEG Imp. & Exp. Corp	China
1070	Vital Wheat Gluten (Chất kết dính)	227-08/06-CN	Bổ sung chất kết dính và cung cấp protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Rae (Shanghai) Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1071	Vitamin A 5.000.000UI/G	XK-306-11/00-KNKL	Bổ sung VitaminA	Bột màu nâu nhạt	Xiamen Kingdomway Vitamin Ltd	China
1072	Vitamin E 50% POWDER	XC-1514-5/03-KNKL	Bổ sung vitamin E trong TĂCN		Xinchang Guobang Chemical Co.Ltd	China
1073	Vitamin H 2 PCT Feed Grade	Jc-1714-9/03-KNKL	Bổ sung vitamin H trong TĂCN		Jiangsu Yabang Improt & Export Co. Ltd	China
1074	Vitamin premix feed for broiler	131-5/12-CN	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gà thịt	Dạng bột, màu vàng nhạt	Shanghai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1075	Vitamin premix feed for growing-fattening pig	130-5/12-CN	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn thịt giai đoạn sinh trưởng và vỗ béo	Dạng bột, màu vàng nhạt	Shanghai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1076	Vitamin premix feed for layer	132-5/12-CN	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi gà đẻ	Dạng bột, màu vàng nhạt	Shanghai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1077	Vitamin premix feed for piglet	129-5/12-CN	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu vàng nhạt	Shanghai East Hope Animal Nutrition Co., Ltd	China
1078	Vitasow Lacto 5%	197-07/06-CN	Bổ sung acid amin, vitamin, khoáng vào thức ăn heo nái nuôi con	Dạng bột, màu trắng xám	Tianjin DKVE Animal Nutrition Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1079	VP05-4% Boar	196-07/06-CN	Bổ sung vitamin, khoáng vào thức ăn heo đực giống	Dạng bột, màu trắng xám	Tianjin DKVE Animal Nutrition Co., Ltd	China
1080	White Oil	VC-1503-5/03-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN		Trader Junwei	China
1081	Wilpromil R (Soy Protein Concentrate)	386-12/09-CN	Protein đậu tương (hạt đậu tương sau khi đã tách vỏ, dầu và tinh bột), được dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Yihai (Fangchenggang) Soybeans Industries	China
1082	Wilpromil R (Soy Protein Concentrate)	106-3/11-CN	Protein đậu tương (sản phẩm từ hạt đậu tương sau khi tách vỏ, dầu và tinh bột), dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Yihai (Fangchenggang) Soybeans Industries Co., Ltd	China
1083	Wisdem Golden-Y (20)	343-8/05-NN	Chất phụ gia tạo màu sản phẩm bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu vàng.	Guangzhou Wisdom Bio-technology Co., Ltd	China
1084	Wisdem Phytase 5000	458-12/05-CN	Bổ sung enzyme nhằm tăng khả năng hấp thụ Photpho trong thức ăn chăn nuôi	Dạng viên, màu trắng hoặc vàng	Guangzhou Wisdom Feed Technology Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1085	Wisdem Red 10%	342-8/05-NN	Chất phụ gia tạo màu sản phẩm bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu nâu đỏ	Guangzhou Wisdom Bio-technology Co., Ltd	China
1086	Yeast Cell Wall	72-03/09-CN	Thành tế bào men dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng miễn dịch của vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Angel Yeast Co., Ltd	China
1087	Yeast Feed	307-08/09-CN	Bổ sung protein sinh học (từ môi trường được nuôi cấy tế bào nấm men) vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nâu	Cangzhou Yatai Commercial & Trade Co., Ltd	China
1088	Yeast Feed	380-12/09-CN	Bổ sung protein sinh học (từ môi trường được nuôi cấy tế bào nấm men) vào thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu vàng nâu	Cangzhou Yatai Commercial & Trade Co., Ltd	China
1089	Yeast Powder 55%	167-6/08-CN	Bổ sung protein có nguồn gốc từ tinh bột ngũ cốc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu vàng	Cangzhou Tianyu Feed Additive Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1090	Yeast Powder 55%	310-09/09-CN	Phụ phẩm ngũ cốc được lên men dùng bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu vàng	Cangzhou Tianyu Feed Additive Co., Ltd	China
1091	Yeast Selenium (for feed)	75-03/09-CN	Bổ sung selen hữu cơ vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng khả năng miễn dịch của vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt hoặc vàng nâu	Angel Yeast Co., Ltd	China
1092	Yiduozyme 818 (Feed enzyme preparation)	009-7/04-NN	Bổ sung enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu trắng hơi xám	Guangdong VTR Bio-tech Co., Ltd., China. (Trung Quốc)	China
1093	Yiduozyme 868 (Feed enzyme preparation)	010-7/04-NN	Bổ sung enzyme tiêu hóa nội sinh trong thức ăn chăn nuôi	Bột màu trắng hơi xám	Guangdong VTR Bio-tech Co., Ltd., China. (Trung Quốc)	China
1094	Yiduozyme 9180	GC-1515-5/03-KNKL	Chất bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Bột màu trắng xám	Guangdong VTR Biotech	China
1095	Yiduozyme 9680	GC-1516-5/03-KNKL	Chất bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Bột màu trắng xám	Guangdong VTR Biotech	China
1096	Yiduozyme 9980	GC-1517-5/03-KNKL	Chất bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Bột màu trắng xám	Guangdong VTR Biotech	China
1097	Yiduozyme L-B	103-4/08-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu nâu hoặc nâu đậm	Guangdong VTR Bio-Tech Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1098	YIDUOZYME-9380	GC-1435-03/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Guangdong VTR Biotech Co. Ltd	China
1099	Yikangsu	GC-1475-03/03-KNKL	Bổ sung đường trong TĂCN		Guangdong VTR Biotech Co. Ltd	China
1100	Yuetai 988 Qian Neng Wang Feed	386-12/07-CN	Thức ăn đậm đặc cho lợn con từ 3kg đến 30kg	Dạng bột, màu vàng nâu	Fangcheng Port Yuetai Co., Ltd., Guangxi	China
1101	Yuetai 990 Bao Bao Le Milk Substitute Feed	385-12/07-CN	Thức ăn tập ăn cho lợn con từ 6 ngày tuổi đến 36 ngày tuổi	Dạng viên, màu vàng nâu	Fangcheng Port Yuetai Co., Ltd., Guangxi	China
1102	Yun Hua Flavour	YQ-1638-8/03-KNKL	Bổ sung hương thơm trong TĂCN		Yun Hua. Vân Nam	China
1103	Zhonghua FuGekang	28-01/11-CN	Bổ sung khoáng Crôm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu trắng	Sichuan Animtech Biological Development Co., Ltd	China
1104	Zhonghua Futiekang ($C_4H_2FeO_4 \geq 85\%$)	236-08/06-CN	Bổ sung chất khoáng sắt (Fe) trong TĂCN	Dạng bột, màu đỏ cam hoặc đỏ nâu	Sichuan Animtech Feed Co., Ltd	China
1105	Zhonghua Hongyouliang Premixed Feed P02 For Pig ($C_4H_2FeO_4 \geq 55\%$)	238-08/06-CN	Bổ sung chất khoáng sắt (Fe) trong TĂCN	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc đỏ nhạt	Sichuan Animtech Feed Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1106	Zhonghua Vitamin Premix	235-08/06-CN	Bổ sung các chất Vitamin trong TĂCN	Dạng bột, màu vàng hoặc nâu nhạt	Sichuan Animtech Feed Co., Ltd	China
1107	Zinc Bacitracin	223-07/06-CN	Bổ sung khoáng vi lượng (Zn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng đục	Shenzhou Tongde Pharmacueticals Co., Ltd	China
1108	Zinc Bacitracin 10% (Albac Powder 10%)	409-12/08-CN	Sản phẩm lên men thu được từ nuôi cấy vi khuẩn Bacillus licheni-formis dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu	Alpharma Animal Health (Shenzhou) Co., Ltd	China
1109	Zinc Bacitracin 10% Powder	TC-1407-01/03-KNKL	Bổ sung khoáng trong TĂCN		Tianjin Xin. Xing Veterinary Pharmaceutical Factory	China
1110	Zinc bacitracin 15% (Albac 15% Powder)	126-04/09-CN	Bổ sung Zinc bacitracin trong khẩu phần thức ăn của vật nuôi nhằm tăng hiệu quả chuyển hóa thức ăn	Dạng bột, màu nâu	Alpharma Animal Health (Shenzhou) Co., Ltd	China
1111	Zinc Bacitracin 15% (Albac granulated 15%)	408-12/08-CN	Sản phẩm lên men thu được từ nuôi cấy vi khuẩn Bacillus licheni-formis dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu	Alpharma Animal Health (Shenzhou) Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1112	Zinc Bacitracin 15% Premix	155-5/07-CN	Thức ăn bổ sung chứa Zinc bacitracin nhằm tăng hiệu quả của TĂCN, tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt hoặc vàng nâu	Tianjin Xinxing Veterinary Pharmaceutical Factory	China
1113	Zinc Bacitracin-Colistin Sulfate Premix	154-5/07-CN	Thức ăn bổ sung chứa Zinc bacitracin và Colistin Sulfate nhằm tăng hiệu quả của TĂCN, tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	Tianjin Xinxing Veterinary Pharmaceutical Factory	China
1114	Zinc Lactate Feed Grade Zhonghua Fuxinkang ($C_6H_{10}Zn_6O.3H_2O \geq 95\%$)	237-08/06-CN	Bổ sung chất khoáng kẽm (Zn) trong TĂCN	Dạng bột, màu trắng hoặc vàng nhạt	Sichuan Animtech Feed Co., Ltd	China
1115	Zinc Oxide	006-7/04-NN	Bổ sung Kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, hạt màu trắng	Hebei Pingshan Foreign Trade Corp.	China
1116	Zinc Oxide ZnO	004-7/04-NN	Bổ sung Kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu xám	China National Pharmaceutical Foreign Trade Co	China
1117	Zinc Oxide 50% Coated (Feed Grade)	206-7/11-CN	Bổ sung Kẽm (Zn) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu trắng hoặc vàng	Hangzhou King Techina Feed Co., Ltd	China

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1118	Zinc Oxide 72%	YT-363-10/01-KNKL	Bổ sung khoáng vi lượng trong TĂCN	Bột màu xám sậm	Yinli Group. Liuzhou. Guang	China
1119	Zinc Oxide 72%	ALL-109-4/01-KNKL	Bổ sung chất khoáng (Zn)	Dạng bột, màu xám	Quangxi Chemical Import And ExportChina	China
1120	Zinc Oxide 99,5%	NW-68-3/00-KNKL	Bổ sung khoáng		Yinli Group	China
1121	Zinc oxide 99,5% min	333-7/05-NN	Bổ sung khoáng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột	Hunan Centre Machinery Co., Ltd	China
1122	Zinc Sulphate	KV-229-7/00-KNKL	Bổ sung khoáng (Zn)		Khang Vu	China
1123	Zinc Sulphate Monohydrate	316-9/08-CN	Bổ sung khoáng (Zn) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt tinh thể, màu trắng ngà	Kirns Chemical Ltd	China
1124	Biomold L	57-1/07-CN	Bổ sung chất chống mốc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, không màu	Biomix S.A	Colombia
1125	Biomold-P	45-1/07-CN	Bổ sung chất chống mốc vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Biomix S.A.	Colombia
1126	Bionox	262-6/10-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất chống oxi hóa và acid hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOMIX S.A	Colombia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1127	Bionox L	263-6/10-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất chống oxi hóa và acid hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	BIOMIX S.A	Colombia
1128	BIOSURE	260-6/10-CN	Bổ sung hỗn hợp các axit hữu cơ và chất sát trùng (Formaldehyde) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	BIOMIX S.A	Colombia
1129	BIOSURE L	261-6/10-CN	Bổ sung hỗn hợp các axit hữu cơ và chất sát trùng (Formaldehyde) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	BIOMIX S.A	Colombia
1130	Prokel Iron	349-11/11-CN	Bổ sung sắt (Fe) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu sẫm	Premex S.A	Colombia
1131	Prokel Selenio	352-11/11-CN	Bổ sung selen (Se) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu đỏ nhạt	Premex S.A	Colombia
1132	Prokel Zinc	350-11/11-CN	Bổ sung kẽm (Zn) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu be	Premex S.A	Colombia
1133	Prokelo Chromium	353-11/11-CN	Bổ sung crôm (Cr) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu tím nhạt	Premex S.A	Colombia

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1134	TOXIBOND	258 - 6/10 -CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố (HSCAS-hyd-rated Sodium Calcium Aluminum Silicate) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be sáng	BIOMIX S.A	Colombia
1135	Toxibond Pro	259 - 6/10-CN	Bổ sung hỗn hợp chất hấp phụ độc tố nấm mốc (HACAS), probiotic, prebiotic và enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be sáng	BIOMIX S.A	Colombia
1136	Toxout	187-6/07-CN	Chất hấp thụ độc tố dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be nhạt	Biomix S.A	Colombia
1137	Vituprop	265-08/06-CN	Bổ sung chất chống mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	Mezclas Biomix	Colombia
1138	Plastin	TN-14-8/99-KNKL	Bổ sung khoáng Canxi (Ca) và Photpho (P) trong TĂCN		Bioveta. A.S	Czech Republic
1139	AlphaSoy PIG 510 Non-GMO	352-8/10-CN	Đậu nành ép đùn lên men. Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu sáng, mùi dịu	AgroKorn A/S	Denmark
1140	AlphaSoy PIG 530 Non-GMO	351-8/10-CN	Đậu nành ép đùn lên men. Bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu sáng, mùi dịu	AgroKorn A/S	Denmark

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1141	Baby Feed® 18/18	294-6/05-NN	Thức ăn cho lợn con	Dạng bột	Dansk Vilomix A/S	Denmark
1142	BioPlus 2B	CĐ-1568-7/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		CHR.HANSEN	Denmark
1143	Bolifor DPC-S (Dicalcium Phosphate Dihydrate Feed Grade Structured)	KKA-183-6/00-KNKL	Bổ sung chất khoáng trong thức ăn chăn nuôi		Kk Animal Nutrition	Denmark
1144	CN708	103-04/06-CN	Bổ sung chất đạm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	A-One Feed Supplement Ltd	Denmark
1145	CN709	104-04/06-CN	Bổ sung chất đạm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	A-One Feed Supplement Ltd	Denmark
1146	Flavodan CV-514	ĐM-307-9/01-KNKL	Tạo hương vị trong thức ăn cho lợn con	Dạng bột màu kem	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	Denmark
1147	Flavosweet SW 2100	ĐM-309-9/01-KNKL	Tạo hương vị trong thức ăn cho lợn con	Dạng bột, màu kem	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	Denmark
1148	Flavosweet SW-2514	ĐM-308-9/01-KNKL	Tạo hương vị trong thức ăn cho lợn con	Dạng bột, màu nâu nhạt	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	Denmark
1149	HP 100	HP-158-5/00-KNKL	Bột đậu tương cao đạm		Hamlet Protein	Denmark

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1150	HP 200	179-06/06-CN	Bột đậu tương cao đạm dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem	Hamlet Protein A/S	Denmark
1151	HP 300	HP-159-5/00-KNKL	Bột đậu tương cao đạm		Hamlet Protein	Denmark
1152	Levucell Sb 20	LP-333-10/01-KNKL	Tăng cường chuyển hóa thức ăn	Dạng bột trắng	Lallemand Sa	Denmark
1153	Levucell SB20	72-3/12-CN	Bổ sung nấm men hoạt tính (Saccharomyces cerevisiae CNCM I-1079) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu be sáng	De Danske Gærfabrikker A/S	Denmark
1154	Quiponin® S Powder	70-02/11-CN	Bổ sung chất tạo hương thơm (sản phẩm từ thực vật Quillaja saponaria và Chenopo-dium quinoa) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nâu	Nor-Feed A/S	Denmark
1155	Ronozyme P5000 (CT)	RT-1892-02/04-NN	Cung cấp men tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu nâu nhạt	Novozymes A/S	Denmark
1156	Ronozyme® A (CT)	NĐ-622-8/02-KNKL	Cung cấp enyme Amylase trong TĂCN	Hạt màu nâu nhạt	Novozymes A/S	Denmark

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1157	Ronozyme® A (L)	NĐ-623-8/02-KNKL	Cung cấp enyme trong TĂCN	Dạng lỏng màu nâu	Novozymes A/S	Denmark
1158	Ronozyme® NP (CT)	170-6/08-CN	Bổ sung enzyme Phytase giúp tăng cường khả năng tiêu hóa thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu nâu nhạt	Novozymes A/S	Denmark
1159	Ronozyme® NP (L)	168-6/08-CN	Bổ sung enzyme Phytase giúp tăng cường khả năng tiêu hóa thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng dung dịch, màu nâu	Novozymes A/S	Denmark
1160	Ronozyme® NP (M)	169-6/08-CN	Bổ sung enzyme Phytase giúp tăng cường khả năng tiêu hóa thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu nâu nhạt	Novozymes A/S	Denmark
1161	Ronozyme® P (CT)	NĐ-620-8/02-KNKL	Cung cấp enzyme phytase glucanase trong TĂCN	Hạt màu nâu nhạt	Novozymes A/S	Denmark
1162	Ronozyme® P (L)	NĐ-621-8/02-KNKL	Cung cấp enzyme beta glucanase trong TĂCN	Dạng lỏng màu nâu	Novozymes A/S	Denmark
1163	Ronozyme® Pro (CT)	NĐ-624-8/02-KNKL	Cung cấp enzyme Protease trong TĂCN	Hạt màu nâu nhạt	Novozymes A/S	Denmark
1164	Ronozyme® Pro (L)	NĐ-625-8/02-KNKL	Cung cấp enzyme Protease trong TĂCN	Dạng lỏng màu nâu	Novozymes A/S	Denmark

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1165	Ronozyme® ProAct (CT)	469-12/10-CN	Bổ sung enzyme protease trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu be	Novozymes A/S	Denmark
1166	Ronozyme® VP (CT)	NĐ-618-8/02-KNKL	Cung cấp enyme Beta glucanase trong TĂCN	Bột màu nâu hạt	Novozymes A/S	Denmark
1167	Ronozyme® VP (L)	NĐ-619-8/02-KNKL	Cung cấp enzyme beta glucanase trong TĂCN	Dạng lỏng, màu nâu	Novozymes A/S	Denmark
1168	Ronozyme® WX (CT)	NO-118-4/01-KNKL	Cung cấp men tiêu hóa Xylanase cho gia súc	Dạng hạt, màu nâu nhạt	Novo Zyme A/S	Denmark
1169	Ronozyme® WX (L)	NO-119-4/01-KNKL	Cung cấp men tiêu hóa Xylanase cho gia súc	Dạng lỏng, màu nâu nhạt	Novo Zyme A/S	Denmark
1170	Unimix® 4 PreWean	289-6/05-NN	Thức ăn bổ sung cho lợn con đến 12 tuần tuổi	Dạng bột	Dansk Vilomix A/S	Denmark
1171	Unimix® Finishers	293-6/05-NN	Thức ăn bổ sung cho lợn xuất chuồng	Dạng bột	Dansk Vilomix A/S	Denmark
1172	Unimix® Growers	292-6/05-NN	Thức ăn bổ sung cho lợn trưởng thành	Dạng bột	Dansk Vilomix A/S	Denmark
1173	Unimix® Sows Gestat	288-6/05-NN	Thức ăn bổ sung cho lợn nái chửa	Dạng bột	Dansk Vilomix A/S	Denmark
1174	Unimix® Sows Lactat	287-6/05-NN	Thức ăn bổ sung cho lợn nái nuôi con	Dạng bột	Dansk Vilomix A/S	Denmark
1175	Unimix® Weaner II	0291-6/05-NN	Thức ăn bổ sung cho lợn con đến 12 tuần tuổi	Dạng bột	Dansk Vilomix A/S	Denmark

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1176	Unimix® Weaners	290-6/05-NN	Thức ăn bổ sung cho lợn con tới 12 tuần tuổi	Dạng bột	Dansk Vilomix A/S	Denmark
1177	Perfect Digest™ FPC-L23	284-9/11-CN	Đạm cá (thu được từ sản phẩm phụ của quá trình chế biến cá; đã được tách xương, mỡ, tạp chất), dùng làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	Marine Protein Marprot S.A	Ecuador
1178	Perfect Digest™ FPI-SD	285-9/11-CN	Đạm cá (thu được từ sản phẩm phụ của quá trình chế biến cá; đã được tách xương, mỡ, tạp chất), dùng làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu	Marine Protein Marprot S.A	Ecuador
1179	Perfectdigest FPI	283-9/11-CN	Đạm cá (thu được từ sản phẩm phụ của quá trình chế biến cá; đã được tách xương, mỡ, tạp chất), dùng làm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu nâu	Marine Protein Marprot S.A	Ecuador

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1180	Addarome Sow	94-4/08-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất tạo mùi, vị ngọt trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu xám nâu	Nutriad Ltd., England.	England
1181	Addarome Squid	HK-1899-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Bột tơi trắng be	Nutriad Ltd.	England
1182	ALPHABLOCK	062-10/04-NN	Tảng đá liếm, bổ sung khoáng cho gia súc	Màu đỏ gạch	Anglian Nutrition Products Company (ANUPCO)	England
1183	Apex 3010	081-11/04-NN	Chất trích ly thảo dược bổ sung trong thức ăn gia súc làm tăng khả năng tiêu hóa của vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Nutriad Ltd.	England
1184	Apex 3050	080-11/04-NN	Chất trích ly thảo dược bổ sung trong thức ăn gia súc làm tăng khả năng tiêu hóa của vật nuôi	Dạng bột, màu xám nâu nhạt	Nutriad Ltd	England
1185	Aptimize	95-4/08-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất tạo mùi, vị ngọt trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu trắng ngà	Nutriad Ltd	England
1186	Ascorbic Acid	RA-606-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin C trong TĂCN	Bột màu vàng nhạt	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1187	Avizyme 1502	FP-513-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa cho gà	Dạng bột	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	England
1188	Bact-A-Cid	292-10/07-CN	Thức ăn bổ sung nhằm khống chế tác nhân gây bệnh đường ruột trên lợn	Dạng bột, màu nâu sáng	Kiotechagil Ltd	England
1189	Betafin S4	Ft-1575-7/03-KNKL	Bổ sung chất chống vón trong TĂCN		FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	England
1190	BMP Cobalt 5%	331-8/10-CN	Phụ gia, bổ sung khoáng coban trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu tím	Norfeed UK Ltd	England
1191	Bmp- selenium 1%	AA-485-3/02-KNKL	Bổ sung Selenium trong TĂCN		A.B Pharmaceuticals. Ltd	England
1192	Bnp-Cobalt 5%	AA-484-3/02-KNKL	Bổ sung Cobalt trong TĂCN		A.B Pharmaceuticals. Ltd	England
1193	Calcium Iodate	NI-1794-03/04-NN	Bổ sung Iot (I) trong TĂCN		Prachi Pharmaceuticals Pvt Ltd. United Kingdom	England
1194	Calcium Iodate	WA-483-3/02-KNKL	Bổ sung Iot (I) trong TĂCN		W.M.Blythe. Church. Accring Lancashire	England
1195	Cobalt Carbonate (20-21% Feed Grade)	NI-1795-03/04-NN	Bổ sung Cobalt (Co) trong TĂCN		A.B. Pharmaceuticals Pvt Ltd. United Kingdom	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1196	Codvit	20-01/08-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu đỏ	UFAC (UK) Ltd	England
1197	Dry Fat 50P	149-5/08-CN	Bổ sung năng lượng từ dầu thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	UFAC (UK) Ltd	England
1198	Finnstim S	FP-514-4/02-KNKL	Chất chống kết vón trong TĂCN	Dạng kết tinh	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	England
1199	Fusion	30-01/11-CN	Bổ sung chất hấp phụ độc tố nấm mốc, NH_3 và chống vón (hỗn hợp thành tế bào nấm men, khoáng tự nhiên, chất chiết xuất cây họ bạc hà) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng ngà	Meriden Animal Health Limited	England
1200	Fusion DYAD	276-9/11-CN	Hỗn hợp tế bào nấm men bất hoạt và khoáng tự nhiên Clinoptilolite, bổ sung trong thức ăn gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố Mycotoxin và chống vón cục	Dạng bột, màu trắng ngà	Meriden Animal Health Limited	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1201	Fusion MBX	275-9/11-CN	Zeolite tự nhiên (Clinoptilolite), bổ sung trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố Mycotoxin và chống vón cục	Dạng bột, màu trắng ngà	Meriden Animal Health Limited .	England
1202	Genex Pig	158-5/08-CN	Bổ sung hỗn hợp acid hữu cơ, chất chiết xuất từ thực vật vào thức ăn chăn nuôi lợn nhằm tăng khả năng tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột có lẫn hạt nhỏ, màu nâu	Optivite International Ltd	England
1203	Genex Poultry	157-5/08-CN	Bổ sung hỗn hợp acid hữu cơ, chất chiết xuất từ thực vật vào thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm tăng khả năng tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột có lẫn hạt nhỏ, màu nâu	Optivite International Ltd	England
1204	IBEX MCP (MonoCalcium Phosphate)	Hb-1891-3/04-NN	Bổ sung Canxi (Ca) và Photpho (P) cho TĂCN	Bột màu trắng	Rodia	England
1205	LactoFeed 70 TM	VE-410-01/02-KNKL	Nguyên liệu thay thế sữa gày	Bột, màu nhạt	Volac International Ltd	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1206	Mag Rich Rockies	41-02/12-CN	Tảng đá liếm, bổ sung các khoáng vi lượng cho gia súc	Dạng bột, màu nâu	Tithebarn limited	England
1207	Mastercube	296-10/07-CN	Bổ sung chất kết dính trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng xám hoặc hơi hồng	Kiotechagil Ltd	England
1208	Maxarome C Liquid	132-01/05-NN	Bổ sung chất tạo mùi và vị trong thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu hổ phách	Nutriad Ltd	England
1209	Maxarome CV	HK-1901-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Dạng bột tơi màu trắng	Nutriad Ltd	England
1210	Maxarome CV Liquid	131-01/05-NN	Bổ sung chất tạo mùi và vị trong thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng	Nutriad Ltd	England
1211	Maxarome F	HK-1896-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Bột tơi lẫn hạt màu trắng be	Nutriad Ltd	England
1212	Maxarome F Liquid	130-01/05-NN	Bổ sung chất tạo mùi và vị trong thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Nutriad Ltd	England
1213	Maxarome HC	083-11/04-NN	Chất tạo mùi bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nâu	Nutriad Ltd	England
1214	Maxarome M	HK-1898-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Bột tơi màu kem trắng tinh	Nutriad Ltd	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1215	Maxarome MF Liquid	128-01/05-NN	Bổ sung chất tạo mùi và vị trong thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Nutriad Ltd	England
1216	Maxarome RF	HK-1895-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Dạng bột tơi màu kem trắng tinh	Nutriad Ltd	England
1217	Maxarome RF Liquid	HK-1900-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Dung dịch trong màu trắng vàng nhạt	Nutriad Ltd	England
1218	Maxarome Sweet R	HK-1894-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Dạng bột tơi lẫn hạt màu nâu cam	Nutriad Ltd	England
1219	Maxarome Sweet S	HK-1893-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Dạng bột tơi màu nâu cam	Nutriad Ltd	England
1220	Maxarome TF Liquid	129-01/05-NN	Bổ sung chất tạo mùi và vị trong thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu hổ phách	Nutriad Ltd	England
1221	Maxarome V	HK-1897-3/04-NN	Chất tạo mùi và vị trong TĂCN	Bột tơi màu kem	Nutriad Ltd	England
1222	Maxarome VM Liquid	133-01/05-NN	Bổ sung chất tạo mùi và vị trong thức ăn gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Nutriad Ltd	England
1223	Moldgard	153-5/08-CN	Bổ sung chất chống nấm mốc (hỗn hợp acid hữu cơ và muối acid hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột có lẫn hạt nhỏ, màu nâu	Optivite International Ltd	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1224	Moldgard Powder	315-10/11-CN	Bổ sung chất chống nấm mốc (hỗn hợp axit propionic, acetic và sorbic; ammonium propionate) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu nâu	Optivite International	England
1225	Monomega	68-2/07-CN	Chất bổ sung protein thực vật trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bã, màu nâu nhạt	UFAC (UK) Ltd	England
1226	Optimise HS	320-10/11-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Beta glucanase, Xylanase và Phytase) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xám nhạt	Optivite International	England
1227	Optimise MB	319-10/11-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Beta glucanase, Xylanase và Phytase) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xám nhạt	Optivite International	England
1228	Optisweet SD	082-11/04-NN	Chất tạo ngọt bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Nutriad Ltd	England
1229	Optizyme	317-10/11-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Beta glucanase và Xylanase) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xám nhạt	Optivite International	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1230	Optizyme HS	318-10/11-CN	Bổ sung hỗn hợp enzyme tiêu hóa (Beta glucanase và Xylanase) cho gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xám nhạt	Optivite International	England
1231	Orego-Stim Liquid	122-04/09-CN	Hương liệu từ cây Oregano dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi nhằm kích thích tính thèm ăn, giảm stress cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu trắng đục	Meriden Animal Health Limited	England
1232	Oxigard	152-5/08-CN	Bổ sung chất chống oxy hóa (hỗn hợp Ethoxyquin, BHT, BHA, Citric acid) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột có lẫn hạt nhỏ, màu xanh nhạt	Optivite International Ltd.	England
1233	Oxigard Powder	314-10/11-CN	Bổ sung chất chống oxy hóa (hỗn hợp Ethoxyquin, BHA, BHT, axit citric) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu xám nhạt	Optivite International	England
1234	ParturAid	93-3/07-CN	Thức ăn bổ sung dinh dưỡng cho heo nái	Dạng nhão, màu nâu	SCA Nutec	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1235	Phosrich Rockies	TL-73-2/01-KNKL	Dạng tảng liếm, bổ sung khoáng vi lượng cho Bò sữa, cừu	Dạng khối	Tithebarn Limited	England
1236	Phyzyme 40000 G	FP-499-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Dạng bột	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	England
1237	Phyzyme 5000 L	FP-498-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Dạng lỏng	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	England
1238	Pig Grower Premix	AN-284-9/00-KNKL	Premix Vitamin, khoáng cho lợn	Dạng bột, màu nâu xẫ	Anglian Nutrition Products Company (Anupco)	England
1239	Pig Starter Premix	AN-283-9/00-KNKL	Premix Vitamin, khoáng cho lợn con	Dạng bột, màu nâu xẫm	Anglian Nutrition Products Company (Anupco)	England
1240	Porzyme 9302	FP-512-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa cho heo	Dạng: Bột	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	England
1241	Porzyme TP 100	FA-296-8/01-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa vào TĂCN	Dạng: Bột, màu nâu nhạt	FinnfeedsInternational LTD; Danisco Animal Nutrition	England
1242	Prefect	293-10/07-CN	Sản phẩm prebiotic bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt mịn, màu nâu sáng	Kiotechagil Ltd	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1243	Promega	69-2/07-CN	Chất bổ sung protein trong thức ăn thú nhai lại	Dạng bã, màu nâu nhạt	UFAC (UK) Ltd	England
1244	Protexin Concentrate	PI-69-2/01-KNKL	Dạng men vi sinh, cung cấp cho vật nuôi các chủng vi sinh vật có lợi cho tiêu hóa và miễn dịch	Dạng bột, màu trắng kem	Probiotics InternationalLimited	England
1245	Protexin Electrozyme	PI-70-2/01-KNKL	Chất cân bằng điện giải, có lợi cho quá trình chuyển hóa thức ăn	Dạng lỏng	Probiotics InternationalLimited	England
1246	Protexin Lifestart	PI-71-2/01-KNKL	Cung cấp cho lợn con các chủng vi sinh vật có lợi, vitamin và chất khoáng	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Probiotics InternationalLimited	England
1247	Protexin Nutricin For Piglets	PI-72-2/01-KNKL	Cung cấp cho lợn con các chất giàu năng lượng, chất kháng khuẩn	Dạng lỏng, màu vàng đậm	Probiotics InternationalLimited	England
1248	Red Rockies hoặc Baby Red Rockies	TL-73-2/01-KNKL	Dạng tảng liếm, bổ sung khoáng vi lượng cho bò, bê, ngựa, dê, cừu	Dạng khối, màu đỏ hồng	Tithebarn Limited	England
1249	Rovimix ®C-EC	RA-608-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin C trong TĂCN	Hạt mịn, màu vàng nhạt	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1250	Rovimix® Calpan	RA-607-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin Pantothenic acid trong TĂCN	Bột mịn, màu trắng	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	England
1251	Salgard Liquid	154-5/08-CN	Bổ sung chất diệt vi khuẩn gây bệnh (hỗn hợp acid hữu cơ và muối acid hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu vàng nhạt hoặc không màu	Optivite International Ltd	England
1252	Salgard Powder	316-10/11-CN	Bổ sung hỗn hợp axit hữu cơ và muối axit hữu cơ (axit formic và propionic, ammonium formate) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm kiểm soát vi khuẩn Gram âm có hại	Dạng bột, màu nâu	Optivite International	England
1253	Seapak	79-03/08-CN	Hỗn hợp các nguyên liệu có nguồn gốc từ động vật và thực vật giàu protein, dùng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	UFAC (UK) Ltd	England
1254	Sweet Whey Powder	LL-570-7/02-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN		Lnb International Feed	England

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1255	Trace Elements	21-01/08-CN	Tảng đá liếm, bổ sung khoáng vi lượng cho vật nuôi	Tảng, màu trắng ngà	UFAC (UK) Ltd	England
1256	Trace Elements with Copper	22-01/08-CN	Tảng đá liếm, bổ sung khoáng vi lượng cho vật nuôi	Tảng, màu trắng ngà	UFAC (UK) Ltd	England
1257	VITABLOCK	063-10/04-NN	Tảng đá liếm, bổ sung khoáng cho gia súc	Màu đỏ gạch	Anglian Nutrition Products Company (ANUPCO)	England
1258	Yucca Extract Powder 30%	YA-382-11/01-KNKL	Làm giảm mùi hôi trong chất thải chăn nuôi	Dạng bột	Stan Chem International Limited	England
1259	Yucca Liquid L-50	YA-383-11/01-KNKL	Làm giảm mùi hôi trong chất thải chăn nuôi	Dung dịch màu nâu	Stan Chem International Limited	England
1260	Fibosel	112-04/08-CN	Bổ sung Beta-Glucan (chiết xuất từ thành tế bào nấm men Saccharo-myces cerevisiae) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Danstar Ferment AS, Lallemand	Estonia
1261	Avizyme 1502	FP-513-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa cho gà	Dạng bột	Finnfeeds International Ltd.; Danisco Animal Nutrition	Finland
1262	Betafin S1	FP-1802-12/03-NN	Bổ sung vitamin B_4 trong TĂCN	Dạng hạt, màu hơi nâu	Finnfeeds Finland Oy	Finland

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1263	Betafin S4	FP-1803-12/03-NN	Bổ sung vitamin B_4 trong TĂCN	Dạng hạt, màu hơi nâu	Finnfeeds Finland Oy	Finland
1264	Danisco Xylanase 40000 L	86-3/11-CN	Bổ sung enzyme Xylanase trong thức ăn chăn nuôi lợn và gia cầm	Dạng dung dịch, màu nâu	Genencor International Oy	Finland
1265	Econase Barley P 700	59-02/11-CN	Bổ sung enzyme Beta-glucanase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu nhạt	ROAL Oy	Finland
1266	Econase BG 300	63-02/11-CN	Bổ sung enzyme Beta-glucanase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	ROAL Oy	Finland
1267	Econase XT 25	238-8/08-CN	Bổ sung enzyme xylanase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	AB Enzymes GmbH	Finland
1268	Econase XT 25L	62-02/11-CN	Bổ sung enzyme xylanase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	ROAL Oy	Finland
1269	Econase XT 5P	61-02/11-CN	Bổ sung enzyme xylanase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	ROAL Oy	Finland
1270	Econase XT P	60-02/11-CN	Bổ sung enzyme xylanase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	ROAL Oy	Finland

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1271	Econase® Wheat P Plus	179-02/05-NN	Bổ sung men tiêu hóa xơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu kem	AB Enzymes	Finland
1272	Finase EC 40P	394- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung enzyme phytase trong vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Roal Oy Rajamaki	Finland
1273	Finase EC 5L	457-11/10-CN	Phụ gia, bổ sung enzym phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	Roal Oy	Finland
1274	Finase EC 5P	393- 9/10-CN	Phụ gia, bổ sung enzyme phytase trong vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Roal Oy Rajamaki	Finland
1275	Finase PC	AF-1743-10/03-NN	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	AB Enzyme	Finland
1276	Finnstim S	FP-514-4/02-KNKL	Chất chống kết vón trong TĂCN	Dạng kết tinh	Finnfeeds International LTD; Danisco Animal Nutrition	Finland
1277	Men Phytase (Finase L)	RF-143-6/01-KNKL	Bổ sung enzyme nhằm tăng khả năng hấp thụ photpho cho vật nuôi	Dạng lỏng	AB Enzymes Gmbh Do JJ. Degussa. Huls Phân Phối Tại Việt Nam	Finland
1278	Men Phytase (Finase P)	RF-144-6/01-KNKL	Bổ sung enzyme nhằm tăng khả năng hấp thụ photpho cho vật nuôi	Dạng bột	AB Enzymes Gmbh Do JJ. Degussa. Huls Phân Phối Tại Việt Nam	Finland

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1279	Phyzyme 5000 G	FP-497-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Dạng bột	Finnfeeds International LTD; Danisco Animal Nutrition Phần Lan	Finland
1280	Phyzyme XP 5000 G	134-5/08-CN	Bổ sung enzyme phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt	Finnfeeds Oy, (trading as Danisco Animal Nutrition)	Finland
1281	Phyzyme XP 5000 L	199-7/11-CN	Bổ sung enzyme phytase vào thức ăn chăn nuôi	Dạng dung dịch, màu nâu	Genencor International, Jämsänkoski Plant	Finland
1282	Porzyme 93010	302-9/08-CN	Bổ sung enzyme trong thức ăn cho lợn và gia cầm	Dạng hạt nhỏ mịn, màu nâu nhạt	Finnfeed Oy (trading as Danisco Animal Nutrition), Finland	Finland
1283	Porzyme 9302	FP-512-4/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa cho heo	Dạng: Bột	Finnfeeds International LTD; Danisco Animal Nutrition	Finland
1284	Porzyme TP-100HP	382-12/07-CN	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt lẫn màu trắng	Finnfeeds International Ltd., Danisco Animal Nutrition	Finland
1285	Porzyme TP102	FA-296-8/01-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa vào TĂCN	Dạng bột, màu nâu nhạt	Finnfeeds International LTD; Danisco Animal Nutrition	Finland

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1286	Porzyme® tp 100 (HP)	273-7/10-CN	Phụ gia bổ sung hỗn hợp các enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt mịn, màu nâu nhạt	Finnfeeds Oy (trading as Danisco Animal Nutrition)	Finland
1287	Quantum 2500 TR	58-02/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu nhạt	ROAL Oy	Finland
1288	Quantum TR 5000 L	57-02/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu nâu	ROAL Oy	Finland
1289	Quantum TR 5000 P	242-8/11-CN	Bổ sung enzyme Phytase trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt, màu nâu nhạt	Roal Oy	Finland
1290	Sodium Selenite 2.25% Se (Selenium 2.25%)	58-1/07-CN	Bổ sung khoáng Selen (Se) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột hạt nhỏ, màu be sáng	Cedicom	Finland
1291	100% Pure Dried Pork Protein	236-4/05-NN	Bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu nhạt tới màu nâu đậm	Heinrich Nagel KG (GmbH & Co.)	France
1292	1st Age Milk	52-02/06-CN	Sữa cho chó	Dạng bột, màu vàng nhạt	Royal Canin S.A	France
1293	44EP (Protein Egg powder for animal feed)	397-12/08-CN	Bột trứng dùng bổ sung Protein trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Valoroeuf	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1294	A Concentre Porc 05/0.5%	PP-549-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1295	A Concentre Porc Phy 96/0.5%	PP-550-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1296	Acid Whey Powder HF	PR-313-11/00-KNKL	Cung cấp đường sữa trong TĂCN	Bột màu trắng, màu kem	ProtilactFrance	France
1297	Acti Plus	EP-1755-11/03-NN	Bổ sung chất dinh dưỡng trong TĂCN		Evialis Company Ltd	France
1298	Actisaf Sc 47 Hr+	321-10/11-CN	Bổ sung nấm men sống (Saccharomyces cerevisiae) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng hạt nhỏ, màu vàng	Lesaffre Feed Additives (Division of S.I.Lesaffre)	France
1299	Actisaf Sc 47 Std	067-10/04-NN	Bổ sung protein và tăng sức đề kháng cho vật nuôi	Dạng hạt nhỏ, màu vàng nhạt	Société Industrielle Lesaffre	France
1300	Activit	63-3/12-CN	Bổ sung premix vitanin và Sorbitol cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu hồng sẫm	Artimon	France
1301	Ad_3e Hydrosol	EP-319-9/01-KNKL	Bổ sung vitamin A, D_3, E	Dạng lỏng	Evialis	France
1302	AD_3E Power	65-3/12-CN	Bổ sung vitamin A, D_3, E cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng sáng	Artimon	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1303	AEN 1400	35-02/09-CN	Hỗn hợp các chất chiết xuất từ thảo dược, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Phytosynthese	France
1304	AG SOW	262-8/07-CN	Hỗn hợp axít béo bay hơi từ dầu cọ, lúa mỳ ép đùn, vitamin và các chất tạo mùi tự nhiên nhằm bổ sung dưỡng chất trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Vitalac	France
1305	Agrimos	LF-1541-6/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Lallemand Animal Nutrition S.A	France
1306	Alkosel (2000)	LF-1540-6/03-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN		Lallemand Animal Nutrition S.A	France
1307	Almaril Plus	161-05/06-CN	Bổ sung năng lượng và chất điện phân cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu đỏ	Neolait SAS	France
1308	Anti- OX HP	CP-267-8/01-KNKL	Bổ sung các chất chống oxy hóa		CCA Nutrition	France
1309	Antidium	EP-324-9/01-KNKL	Bổ sung nguyên tố vi lượng	Dạng bột	Evialis	France
1310	Aquamune	GP-707-10/02-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Guyomarch	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1311	Arolac	RD-1923-6/04-NN	Chất bổ sung vị ngọt trong TĂCN nhằm tăng tính ngon miệng cho vật nuôi	Dạng bột trắng kem	CCA Nutrition	France
1312	Artifix Extra	68-3/12-CN	Bổ sung hỗn hợp tinh dầu thực vật, vitamin và khoáng cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng	Artimon	France
1313	Artiphos	66-3/12-CN	Bổ sung premix khoáng vô cơ cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu xanh nhạt	Artimon	France
1314	Aviance	242-5/05-NN	Cải thiện khả năng tiêu hóa và thay thế kháng sinh kích thích sinh trưởng cho gia cầm	Dạng bột màu be	Techna	France
1315	B Croissance Porc 06/0.25%	PP-552-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1316	B Croissance Porc Phy 97/0.25%	PP-551-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1317	B- Max Aviaire	EP-321-9/01-KNKL	Bổ sung vitamin trong thức ăn chăn nuôi		Evialis.	France
1318	Babycat 34	48-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1319	Babycat Milk	50-02/06-CN	Sữa cho mèo	Dạng bột, màu vàng nhạt	Royal Canin S.A	France
1320	Bactocell	73-3/12-CN	Bổ sung vi khuẩn có lợi (Pediococcus acidilactici MA18/5M) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Lallemand SAS	France
1321	Bactocell Pa	LP-331-10/01-KNKL	Tăng cường chuyển hóa thức ăn	Dạng bột trắng	Lallemand Sa	France
1322	Biacalcium	BA-1- 1999-KNKL	Bổ sung vitamin và khoáng trong TĂCN	Bột màu trắng	Laboratories Biove	France
1323	Biacid	439-12/08-CN	Bổ sung hỗn hợp acid hữu cơ và hương liệu trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn trơn chảy, màu kem đến nâu nhạt với những hạt xám	Provimi France	France
1324	Biacid 500	276-08/09-CN	Bổ sung hỗn hợp acid hữu cơ và muối acid hữu cơ trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng bột, màu kem đến nâu sáng với các hạt màu xám	Provimi France	France
1325	Biacid Nucleus	201-7/11-CN	Bổ sung hỗn hợp chất tạo mùi thơm trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng bột, màu kem tới nâu nhạt, điểm các hạt màu nâu và xám	Provimi France	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1326	Bicalphos	EP-325-9/01-KNKL	Bổ sung nguyên tố vi lượng	Nước	Evialis	France
1327	Biolyse	188-7/07-CN	Khoáng silica có độ tinh khiết cao 100% thiên nhiên nhằm bổ sung khoáng tự nhiên trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Biové	France
1328	Biové Preserve	189-7/07-CN	Chất chiết xuất từ cây xương rồng nhằm bổ sung dưỡng chất vào thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu trắng	Biové	France
1329	Biovital	CF-293-8/01-KNKL	Bổ sung vitamin, nguyên tố vi lượng	Dạng viên và bột	Franvet S.A	France
1330	Biscoblé (Bisco-Wheat)	VF-215-6/01-KNKL	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi		VITALAC	France
1331	Boosty Vo	146-4/10-CN	Bổ sung vi khuẩn lactic, hỗn hợp acid béo, khoáng, vitamin và các chất dinh dưỡng khác nhằm tăng cường năng lượng cho bê con	Dạng bột nhão, màu be, mùi vanni sữa	New Born Animal Care	France
1332	Bột vỏ tôm (Shrimp Shell Meal/Carapaces De Crevette)	SP-359-10/01-KNKL	Cung cấp chất sắc tố cho thức ăn gà		Sopropeche	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1333	Bovistart	307-10/11-CN	Bổ sung các chất dinh dưỡng (từ sản phẩm của trứng, dầu gan cá tuyết, sản phẩm từ sữa, premix vitamin) và vi khuẩn có lợi Enterococcus faecium NCIMB-10415 cho gia súc mới sinh (bê, cừu, ngựa)	Dạng dung dịch sệt, màu vàng	Bio Armor Developpement	France
1334	Boxer 26	24-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A.	France
1335	BPS Plus	64-02/11-CN	Bổ sung hỗn hợp Natri Butyrate và các muối Natri của axit vô cơ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Broc Nutrition	France
1336	B-SAFE SD	119- 4/12-CN	Bổ sung nguyên tố khoáng vi lượng (đồng - Cu) trong thức ăn cho gia súc, gia cầm	Dạng bột. Màu xám nhạt	Invivo NSA	France
1337	B-Traxim® 2C G/Cu-210	280-6/05-NN	Phức hợp sulphate đồng và glycine bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu xanh nhạt đến xanh đậm	Pancosma France SA	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1338	B-Traxim® 2C G/Fe-170	281-6/05-NN	Phức hợp sulphate sắt và glycine bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu trắng xanh đến nâu xanh	Pancosma France SA	France
1339	B-Traxim® 2C G/Mn-210	282-6/05-NN	Phức hợp sulphate mangan và glycine bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu trắng đến hồng nhạt	Pancosma France SA	France
1340	B-Traxim® 2C G/Zn-210	283-6/05-NN	Phức hợp sulphate kẽm và glycine bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột màu trắng đến hơi trắng	Pancosma France SA	France
1341	Bulldog 24	25-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1342	Butyris	RD-1924-6/04-NN	Chất bổ sung vị ngọt trong TĂCN nhằm tăng tính ngon miệng cho vật nuôi	Dạng bột trắng vàng	CCA Nutrition	France
1343	C Finition Porc 07/0.25%	PP-553-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1344	C Finition Porc Phy 98/0.25%	PP-554-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1345	Calci +	67-3/12-CN	Bổ sung premix khoáng vô cơ cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu xanh	Artimon	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1346	Calfilac	80-3/12-CN	Chất thay thế sữa (bao gồm: sản phẩm từ sữa, hạt có dầu, hạt ngũ cốc, hạt họ đậu; dầu thực vật; premix khoáng) cho bê	Dạng bột, màu kem	Societe Laitiere De Retiers	France
1347	Carnitol	EP-322-9/01-KNKL	Tăng hiệu quả tiêu hóa		Evialis	France
1348	Carnitol-L	55-02/12-CN	Bổ sung các chất dinh dưỡng (D-Sorbitol, Choline, L-Carnitine, chiết xuất thực vật) cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu vàng	Qalian	France
1349	Carophyll Red 10%	41-1/07-CN	Chất sắc tố, cung cấp Canthaxanthin cho gia cầm	Dạng bột hạt mịn, màu đỏ tím	DSM Nutritional Products France SAS	France
1350	Carophyll Yellow 10%	43-1/07-CN	Chất sắc tố, bổ sung Apocarotenoid vào thức ăn chăn nuôi cho gia cầm	Dạng bột hạt mịn, màu đỏ nâu	DSM Nutritional Products France SAS	France
1351	Carophyll® Pink	RP-597-8/02-KNKL	Cung cấp sắc tố hồng trong TĂCN		DSM Nutritional Products France SAS	France
1352	CAROPHYLL® Pink 10% - CWS	196-7/08-CN	Bổ sung chất tạo sắc tố (Astaxanthin) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt, màu nâu tím	DSM Nutritional Products France SAS	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1353	Carophyll® Pink 10% CWS	NĐ-617-8/02-KNKL	Cung cấp sắc tố hồng trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu tím	DSM Nutritional Products France SAS,	France
1354	Carophyll® Red	RP-598-8/02-KNKL	Cung cấp sắc tố đỏ trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu tím	DSM Nutritional Products France SAS	France
1355	Carophyll® Stay-Pink 10%-CWS	221-06/09-CN	Cung cấp sắc tố trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt mịn, màu nâu tím	DSM Nutritional Products France SAS	France
1356	Carophyll® Yellow	RP-599-8/02-KNKL	Cung cấp sắc tố vàng trong TĂCN	Hạt mịn, màu đỏ nâu	DSM Nutritional Products France SAS	France
1357	CC 3% Sow Gestation	232-5/10-CN	Premix, bổ sung vitamin và vi khoáng trong thức ăn heo nái mang thai	Dạng bột màu, màu be	VITALAC France	France
1358	CC 3,5% Sow Lactation	231-5/10-CN	Premix, bổ sung vitamin và vi khoáng trong thức ăn heo nái nuôi con	Dạng bột màu, màu be	VITALAC France	France
1359	CC 5% Piglet	230-5/10-CN	Premix, bổ sung vitamin và vi khoáng trong thức ăn heo con	Dạng bột màu, màu be	VITALAC France	France
1360	CEC (Coli-Enterocox)	232-8/08-CN	Bổ sung chất tạo mùi hương (từ nguồn gốc thực vật) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Phytosynthese	France
1361	Celtilait Baby NG	313-09/09-CN	Chất thay thế sữa có chứa vi khuẩn lactic, dùng cho bê	Dạng bột, màu kem	Sản xuất bởi: UCLAB, (xuất khẩu bởi Scica Ouest Elevage)	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1362	Celtilait SE	312-09/09-CN	Chất thay thế sữa cho bê	Dạng bột, màu kem	Sản xuất bởi: UCLAB, (xuất khẩu bởi Scica Ouest Elevage)	France
1363	Chick'boost	375-12/09-CN	Thức ăn bổ sung năng lượng cho gà con từ khi nở đến hết 01 ngày tuổi	Dạng hạt, màu nâu đỏ	Newborn Animal Care	France
1364	Chihuahua 28	26-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1365	Chocolate 019 (6019)	PM-140-5/00-KNKL	Chất tạo hương sô cô la		Pancosma	France
1366	Cinergy	136-4/10-CN	Bổ sung hương liệu tạo mùi thơm vào thức ăn cho lợn	Dạng bột, hạt màu kem tới màu nâu sáng	PROVIMI FRANCE	France
1367	Cinergy Sows	440-12/08-CN	Bổ sung hương liệu trong thức ăn chăn nuôi	Dạng hạt trơn chảy đến bột mịn, màu trắng đến vàng với những hạt nâu	Provimi France	France
1368	Club A3	33-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1369	Club CC	34-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1370	Club high energy	315-10/07-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1371	Cmo-Factors 013 (6013)	PM-134-5/00-KNKL	Chất tạo hương hoa quả		Pancosma	France
1372	Cmo-Factors 022 (6022)	PM-135-5/00-KNKL	Chất tạo hương sữa		Pancosma	France
1373	CMO-Factors 024, code 6024	205-7/08-CN	Bổ sung hỗn hợp hương liệu (các hợp chất hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi trắng đến vàng nhạt	Pancosma France S.A	France
1374	CMO-TEK 161, Code 6161	178-06/06-CN	Bổ sung hương sữa va-ni trong thức ăn gia súc	Dạng bột, màu hơi trắng đến hồng nhạt	Pancosma France S.A	France
1375	Cobalt 5% Bmp	NW-29-11/99-KNKL	Bổ sung khoáng		Doxal	France
1376	Coco Cream	PP-577-8/02-KNKL	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1377	Colifit C	34-02/09-CN	Hỗn hợp các chất chiết xuất từ thảo dược, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Phytosynthese	France
1378	Coloboost Pet	376-12/09-CN	Bổ sung chất thay thế sữa đầu cho chó con và mèo con	Dạng bột, màu trắng	Newborn Animal Care	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1379	Copper Sulphate Free Flowing	PP-551-6/02-KNKL	Bổ sung Sulphate đồng trong TĂCN		Z.A. du Hautdu Bois 56580 Brehan	France
1380	Coremix	174-05/06-CN	Bổ sung khoáng, đạm và vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột màu ghi - trắng	Techna	France
1381	Covotek 570, code 6570	204-7/08-CN	Bổ sung hỗn hợp hương liệu (các hợp chất hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi	Pancosma France S.A	France
1382	Coxivia	278-6/05-NN	Chất phụ gia trong thức ăn chăn nuôi gia cầm nhằm cải thiện khả năng tiêu hóa	Dạng bột, màu gạch non	Techna	France
1383	Cupramel - 25 ($CuSO_4,5H_2O$)	OP-515-4/02-KNKL	Cung cấp Cu trong TĂCN		Olmix	France
1384	D Repro Porc 08/0.25%	PP-555-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1385	D Repro Porc Phy 99/0.25%	PP-556-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1386	Dachshund 28	27-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1387	Dairy Concentrate For Piglets C882	VO-57-2/01-KNKL	Bổ sung đạm sữa trong TĂCN	Dạng bột	Voreal	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1388	Detox	NS-129-5/00-KNKL	Kháng độc tố Aflatoxin		Nutritec S.A	France
1389	Dextrose Englandydrous	RI-1733-10/03-NN	Bổ sung năng lượng trong TĂCN		Roquette Freres	France
1390	Dextrose Monohydrate Roferose M	PY-245-7/01-KNKL	Chất mang cho phụ gia thức ăn gia súc		Roquette	France
1391	Dextrose Monohydrate Roferose Standard	PY-310-9/01-KNKL	Bổ sung năng lượng trong thức ăn gia súc		Poquette Freres (Roquite)	France
1392	Diabetic	36-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1393	Digest- Acid Plus	CP-247-7/01-KNKL	Bổ sung hỗn hợp chất axit hóa vào TĂCN		CCA Nutrition	France
1394	Digest'ion	CF-210-6/01-KNKL	Bổ sung hỗn hợp chất axit hóa vào TĂCN		CCA Nutrition	France
1395	Digestive Low Fat	04-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1396	Digest-O-Lac	302-08/09-CN	Bổ sung chất thay thế sữa cho lợn	Dạng bột hoặc viên, màu be	Techna SA	France
1397	E Concentre Broiler DC 09/0.5%	PP-557-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1398	E Concentre Broiler Phy DC 00/0.5%	PP-558-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1399	E Concentre Broiler Phy SA 04/0.5%	PP-566-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1400	E Concentre Broiler SA 13/0.5%	PP-565-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1401	Ecolac	VP-1396-12/02-KNKL	Thức ăn cho heo con cai sữa		Vitalac	France
1402	Egg Balance	220-7/11-CN	Bổ sung calcium butyrate trong thức ăn chăn nuôi gia cầm	Dạng bột, màu kem đến nâu sáng điểm các hạt trắng và xám	Provimi France	France
1403	Elevage 20/16	81-3/12-CN	Chất thay thế sữa (bao gồm: sản phẩm từ sữa, hạt có dầu, hạt ngũ cốc, hạt họ đậu; dầu thực vật; premix khoáng) cho bê	Dạng bột, màu kem	Societe Laitiere De Retiers	France
1404	Energy 4300	31-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1405	Enterocox	33-02/09-CN	Hỗn hợp các chất chiết xuất từ thảo dược, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Phytosynthese	France
1406	Euromold Plus	EP-1367-12/02-KNKL	Chống nấm mốc trong TĂCN	Bột màu trắng	Eurotec Nutrition	France
1407	F Concentre Ponte 10/0.5%	PP-559-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1408	F Concentre Ponte Phy 01/0.5%	PP-560-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1409	Fer Dextran B12	EP-320-9/01-KNKL	Bổ sung sắt, chống thiếu máu	Nước: 100ml	Evialis	France
1410	Fibosel	LI-1465-03/03-KNKL	Bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng cường khả năng miễn dịch cho gia súc	Dạng bột, màu vàng nhạt	Lallemand Animal Nutrition S.A	France
1411	Fibregum Feed	196-7/11-CN	Bổ sung chất xơ Polysaccharides từ cây gôm Ả Rập (Arabic gum) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm nhằm cải thiện hệ vi sinh vật đường ruột vật nuôi (prebiotic)	Dạng bột, màu nâu đậm	Colloides Naturels International	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1412	Fish Hydrolysate (C.P.S.P.90 Special G)	SP-340-10/01-KNKL	Cung cấp đạm cho heo con		Sopropeche	France
1413	Fish Hydrolysate (C.P.S.P.90)	SP-339-10/01-KNKL	Cung cấp đạm cho heo con		Sopropeche	France
1414	Fit 32	RF-204-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho mèo		Royal Canin S.A	France
1415	Floryboost Pet	150-4/10-CN	Bổ sung hỗn hợp prebiotic, khoáng và muối khoáng vào thức ăn nhằm cải thiện môi trường đường tiêu hóa cho chó và mèo	Dạng bột nhão, màu đen, mùi than	New Born Animal Care	France
1416	Floryboost Piglet	147-4/10-CN	Bổ sung hỗn hợp prebiotic, khoáng và muối khoáng vào thức ăn nhằm cải thiện môi trường đường tiêu hóa cho lợn con	Dạng bột nhão, màu be, mùi cỏ xạ hương	New Born Animal Care	France
1417	Flutec 10	SA-36-1/00-KNKL	Bổ sung vitamin, khoáng vi lượng		Sandres Aliments	France
1418	Fongi- Stat (Fongi- Stacid/ Fongi- stacid 50)	AP-745-10/02-KNKL	Chất chống nấm, mốc trong TĂCN		CCA	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1419	Fortiboost Pet	377-12/09-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin, khoáng hữu cơ và các chất dinh dưỡng cho chó và mèo	Dạng dung dịch, màu xanh lá cây	Newborn Animal Care	France
1420	Fruit Rouge S07	PHO-351-12/00-KNKL	Chất tạo hương	Dạng lỏng	Phodes S.A	France
1421	Genox	EP-323-9/01-KNKL	Bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng hiệu quả tiêu hóa	Dạng bột	Evialis	France
1422	German Shepherd Adult 24	22-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1423	Giant Maxi Adult	RF-201-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1424	Giant Maxi Junior	RF-200-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1425	Globacid LF 60 Plus	129-04/06-CN	Bổ sung dinh dưỡng, tăng cường cho hệ tiêu hóa của lợn và gia cầm	Dạng bột, màu trắng	Global Nutrition SAS	France
1426	Globacid OPCL	219-4/05-NN	Bổ sung chất axit hóa, kích thích tính thèm ăn của vật nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Global Nutrition SAS	France
1427	Globacid OPCL Extra	297-10/11-CN	Bổ sung chất axit hóa (axit phosphoric, lactic	Dạng hạt, màu xám	Global Nutrition International	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			và citric) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm			
1428	Globafix	221-4/05-NN	Bổ sung chất kháng độc tố trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Global Nutrition SAS	France
1429	Globagold	357-11/09-CN	Bổ sung sắc tố xantho-phyll tự nhiên trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng	Global Nutrition International	France
1430	Global PS (Premix of additives)	54-02/09-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất chiết xuất thực vật, chất tạo hương vị trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Sermix (chi nhánh Evialis)	France
1431	Globamax 1000	130-04/06-CN	Bổ sung dinh dưỡng cho gà đẻ và gia cầm	Dạng bột, màu xám trắng	Global Nutrition International	France
1432	Globamax B 700	68-02/11-CN	Muối axit hữu cơ (Canxi Butyrate), nguyên liệu thức ăn chăn nuôi bổ sung năng lượng và cải thiện đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu trắng	Global Nutrition International	France
1433	Globamold L Plus	187-02/05-NN	Bổ sung chất chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Global Nutrition SAS	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1434	Globamold P Plus	185-02/05-NN	Bổ sung chất chống nấm mốc trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Global Nutrition SAS	France
1435	Globastop T	85-3/12-CN	Than gỗ sồi đã được xử lý, dùng làm thức ăn bổ sung cho gia súc, gia cầm nhằm hấp phụ độc tố trong đường tiêu hóa vật nuôi	Dạng bột, màu đen	Global Nutrition International	France
1436	Globatiox 32 Premix	186-02/05-NN	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Global Nutrition SAS	France
1437	Globatiox L 32	220-4/05-NN	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Global Nutrition SAS	France
1438	Globatiox P 07	218-4/05-NN	Bổ sung chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu	Global Nutrition SAS	France
1439	Globind	HT-1300-11/02-KNKL	Bổ sung Protein và canxi trong TĂCN		Global Nutrition SAS	France
1440	Gluten lúa mì (Amytex 100)	HS-272-8/00-KNKL	Bổ sung protein trong TĂCN		Amylum Europe N.V	France
1441	Gluten lúa mì (vital wheat gluten Or viten)	RP-591-08/02-KNKL	Bổ sung Protein trong TĂCN		Roquette Freres	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1442	Greencab 75 P or Calcium Butyrate	EP-708-10/02-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN		Global Nutrition SAS	France
1443	Growth	41-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1444	Gustolac 20 (concentrated milk product)	12-01/11-CN	Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi (bao gồm bột whey và dầu cọ)	Dạng bột, màu be	MG2MIX	France
1445	Hair & skin 33	319-10/07-CN	Thức ăn cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1446	Hair & Skin 33	RF-206-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên	Royal Canin S.A	France
1447	Hepatic	435-11/05-NN	Thức ăn cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1448	Hf Whey Powder	PL-153-5/00-KNKL	Cung cấp đường sữa (Đường lacto)		PROTILAC và Voreal	France
1449	Hot lyte	309-10/11-CN	Bổ sung hỗn hợp đường, các axit hữu cơ và các chất điện giải cho gia cầm	Dạng lỏng, trong suốt	Bio Armor Developpement	France
1450	Hydraboost Pet	378-12/09-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất điện giải cho chó và mèo	Dạng dung dịch, màu hồng	Newborn Animal Care	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1451	Hydrovit A D_3 E 100-20-20	AP-562-6/02-KNKL	Bổ sung vitamin A, D_3, E trong TĂCN	Dạng lỏng, màu sắt đỏ	Adisseo	France
1452	Hypal A (Concentrate A)	VP-255-7/01-KNKL	Bổ sung đạm, vitamin vào TĂCN		VITALAC	France
1453	Hypoallergenic	37-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1454	Hypoallergenic	433-11/05-NN	Thức ăn cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1455	I Complet Caille et Ponte Phy 02/0.25%	PP-562-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1456	I Complet Caille et Ponte Phy 11/0.25%	PP-561-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1457	Indoor 27	RF-202-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho mèo		Royal Canin S.A	France
1458	Initiation	CF-214-6/01-KNKL	Bổ sung hỗ hợp chất axit hóa vào TĂCN		CCA Nutrition	France
1459	Intestinal	434-11/05-NN	Thức ăn cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1460	Iodine 10% Bmp	NW-30-11/99-KNKL	Bổ sung khoáng		Doxal	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1461	J Complet Canard Phy 03/0.25%	PP-564-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1462	J Complet Canard Phy 12/0.25%	PP-563-5/02-KNKL	Premix - phụ gia TĂCN		Primis Sandes SA	France
1463	K Liver L	117-04/08-CN	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi, giảm tích trữ mỡ - chống oxy hóa	Dạng lỏng, màu hổ phách	Artan	France
1464	K Liver L2	118-04/08-CN	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi, giảm tích trữ mỡ - chống oxy hóa	Dạng lỏng, màu hổ phách	Artan	France
1465	K Vigor	119-04/08-CN	Chất bổ sung năng lượng trong thức ăn chăn nuôi cho heo	Dạng lỏng, màu hồng	Artan	France
1466	Karno - Kolac - AGF 115	058-10/04-NN	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi, giúp giải độc gan, thận và cải thiện năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu trắng xám	Vitalac	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1467	Karno - Liver	VP-1569-7/03-KNKL	Giúp giải độc gan, thận; tăng hiệu quả sử dụng thức ăn và cải thiện chất lượng thịt	Dạng bột, màu trắng xám	Olmix	France
1468	Karno - Renol - AGF 114	057-10/04-NN	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi, giúp giải độc gan, thận và cải thiện năng suất vật nuôi	Dạng dung dịch, màu vàng nâu	Vitalac	France
1469	Karno- Aquacid (aquamin)	VP-1571-7/03-KNKL	Bổ sung Vitamin trong TĂCN		Vitalac	France
1470	Karno- Chol	VP-254-7/01-KNKL	Bổ sung sorbitol, methionin, cholin cho heo		VITALAC	France
1471	Karno- Chol	VP-254-7/01-KNKL	Bổ sung sorbitol, methionin, cholin cho heo		VITALAC	France
1472	Karno- Grow	VP-253-7/01-KNKL	Bổ sung vitamin vào TĂCN		VITALAC	France
1473	Karno- Grow	VP-253-7/01-KNKL	Bổ sung vitamin vào TĂCN		VITALAC	France
1474	Karno- Mam	VP-1570-7/03-KNKL	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm giảm tích lũy mỡ		Vitalac	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1475	Karno- Mam	VP-1570-7/03-KNKL	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi lợn nhằm giảm tích lũy mỡ		Olmix	France
1476	Karno Phos	VF-217-6/01-KNKL	Bổ sung khoáng cho TĂCN		VITALAC	France
1477	Karno Phos	VF-217-6/01-KNKL	Bổ sung khoáng cho TĂCN		VITALAC	France
1478	Karno Renol	VF-216-6/01-KNKL	Bổ sung khoáng và vitamin cho TĂCN		VITALAC	France
1479	Karno Renol	VF-216-6/01-KNKL	Bổ sung khoáng và vitamin cho TĂCN		VITALAC	France
1480	Karno-Kolac	RD-1925-6/04-NN	Chất bổ sung trong TĂCN giúp giải độc gan, thận cho vật nuôi	Dạng bột trắng xám	Vitalac	France
1481	Karno-Liver	351-8/05-NN	Tăng hiệu quả sử dụng thức ăn, cải thiện chất lượng thịt. Giúp giải độc gan, thận	Dạng bột, màu trắng xám	Vitalac	France
1482	Karno-Renol	VP-337-10/01-KNKL	Chất hỗ trợ sức khỏe cho gà	- Dung dịch màu trắng	Vitalac	France
1483	Karno-Renol	VP-337-10/01-KNKL	Chất hỗ trợ sức khỏe cho gà	Dung dịch màu trắng	Vitalac	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1484	Karno-Vigor	VP-1445-02/03-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng cho heo con trong TĂCN		CCA	France
1485	Karno-White	460-12/05-CN	Bổ sung các chất dinh dưỡng trong thức ăn chăn nuôi nhằm tăng năng suất vật nuôi	Dạng bột, màu xám trắng	Vitalac	France
1486	Kitten 34	RF-203-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho mèo		Royal Canin S.A	France
1487	Labrador Retriever 30	23-02/06-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1488	Lactarine	VP-256-7/01-KNKL	Bổ sung đạm, vitamin vào TĂCN		VITALAC	France
1489	Lactex	133-04/06-CN	Chất bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi, giúp tiêu hóa cải thiện năng suất vật nuôi, chất lượng thịt	Dạng bột, màu trắng kem	Vitalac	France
1490	Lactose	176-06/06-CN	Bổ sung đường lactose trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng đến trắng ngà	Lacto Serum France	France
1491	Lactotaste Aroma	PP-579-8/02-KNKL	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1492	Levucell SB 10 ME	LP-332-10/01-KNKL	Tăng cường chuyển hóa thức ăn	Dạng bột trắng	Lallemand Sa	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1493	Levucell SB 20	LP-333-10/01-KNKL	Tăng cường chuyển hóa thức ăn	Dạng bột trắng	Lallemand Sa	France
1494	Light 40	318-10/07-CN	Thức ăn cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A France	France
1495	Liquid Vitacid	66-02/11-CN	Bổ sung chất axit hóa (hỗn hợp axit citric, formic, lactic và propionic) cho lợn và gia cầm	Dạng lỏng, không màu	Vitalac	France
1496	Lysar NF	262-5/05-NN	Thức ăn thay thế sữa dành cho bò	Dạng bột, màu trắng	Neolait Sas	France
1497	Lysar Piglet LC	050-8/04-NN	Sữa bột thay thế sữa cho heo con	Bột màu trắng	Neolait SAS	France
1498	Lysar Piglet NW	462-12/05-CN	Bổ sung chất thay thế sữa trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột màu kem	Neolait	France
1499	M Feed	106-04/09-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi giúp ổn định hệ vi khuẩn đường ruột của vật nuôi	Dạng bột, màu nâu nhẹ	Olmix S.A	France
1500	Mature S/O	44-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1501	Maxi Adult	RF-197-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Dạng bột trắng	Royal Canin S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1502	Maxi Energy	RF-198-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1503	Maxi Junior	RF-196-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1504	Maxi Mature	RF-199-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1505	Medium Adult	RF-194-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1506	Medium Energy	RF-193-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1507	Medium Junior	RF-192-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1508	Medium Mature	RF-195-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1509	Megaderm (hoặc Omegaderm)	309-09/09-CN	Premix vitamin và axit béo thiết yếu dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho chó	Dạng lỏng, màu vàng	Virbac S.A.	France
1510	MetaSmart® Dry	252-6/10-CN	Phụ gia, bổ sung methionine cho bò sữa	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo France S.A.S. France	France
1511	Microlacta Ant	VP-268-8/01-KNKL	Thức ăn tập ăn cho heo con		VITALAC	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1512	Microvit A Oil Propionate 2.5	AA-36-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin A cho TĂCN	Dạng lỏng, màu vàng	Adisseo	France
1513	Microvit A Prosol 500	AA-35-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin A cho TĂCN	Dạng bột, màu vàng cam	Adisseo	France
1514	Microvit A Supra 1000	AP-563-6/02-KNKL	Bổ sung vitamin A trong TĂCN	Dạng bột, màu nâu vàng	Adisseo.	France
1515	Microvit A Supra 500	AA-34-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin A cho TĂCN	Dạng bột, màu nâu vàng	Adisseo	France
1516	Microvit AD_3 Supra 500-1000	AP-561-6/02-KNKL	Bổ sung vitamin A, D_3 trong TĂCN	Dạng bột, màu xám	Adisseo	France
1517	Microvit B_{12} Promix 10 000	RhP-8-8/99-KNKL	Bổ sung vitamin B_{12} trong TĂCN	Dạng bột màu hồng đỏ	Adisseo	France
1518	Microvit B_{12} Promix 1000	AA-41-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_{12} cho TĂCN	Dạng bột, màu hồng đỏ	Adisseo	France
1519	Microvit B_{12} Prosol 1000	AA-42-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_{12} cho TĂCN	Dạng bột, màu hồng đỏ	Adisseo	France
1520	Microvit B_2 Supra 80	AA-44-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_2 cho TĂCN	Dạng bột, màu vàng cam	Adisseo	France
1521	Microvit B_5 Promix	AA-48-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_5 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Adisseo	France
1522	Microvit D_3 Prosol 500	AA-37-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin D_3 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1523	Microvit E Oil Acetate Ep/Usp	AA-40-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin E cho TĂCN	Dạng lỏng, màu vàng	Adisseo	France
1524	Microvit E oil Acetate fg	AP-1424-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin E trong TĂCN	Dạng lỏng, màu vàng nhạt	Adisseo	France
1525	Microvit E Promix 50	AA-38-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin E cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	France
1526	Microvit E Promix 50	AA-38-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin E cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	France
1527	Microvit E Prosol 50	AA-39-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin E cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	France
1528	Microvit E Prosol 50	AA-39-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin E cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	France
1529	Microvit k_3 Promix mpb	AP-1422-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin A, D_3 trong TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Adisseo	France
1530	Microvit k_3 Promix mpb	AP-1422-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin A, D_3 trong TĂCN	Dạng bột, màu trắng	Adisseo	France
1531	Microvit ^{TM} B_1 Promix	AA-49-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_1 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	France
1532	Microvit ^{TM} B_6 Promix	AA-50-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_6 cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	France
1533	Microvit ^{TM} H Promix 2000	AA-43-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin H cho TĂCN	Dạng bột, màu trắng kem	Adisseo	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1534	Microvit^{TM} A D_3 Supra 1000-200	AP-1423-02/03-KNKL	Bổ sung Vitamin A, D_3 trong TĂCN	Dạng bột, màu nâu nhạt	Adisseo	France
1535	Milk Permeate	143-5/07-CN	Sản phẩm bột sữa sấy phun từ sữa nhằm bổ sung đường sữa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng kem	Armor Proteines SAS	France
1536	Milk Replacer C882	RUBY-73-3/00-KNKL	Chất thay thế sữa dùng cho lợn con		Voreal	France
1537	Mineral Enriched Yeast (Meycr 2000)	LP-1712-9/03-KNKL	bổ sung Crôm trong TĂCN		Lallemand Inc	France
1538	Mini Adult	RF-189-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1539	Mini baby dog	306-10/07-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1540	Mini beauty	307-10/07-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1541	Mini Energy	RF-190-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1542	Mini indoor adult	312-10/07-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1543	Mini indoor junior	311-10/07-CN	Thức ăn viên cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1544	Mini Junior	RF-188-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1545	Mini Mature	RF-191-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho chó	Viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1546	Mistral Tox	Op-1548-6/03-KNKL	Phòng và xử lý nhiễm độc tố Mycotoxin trong TĂCN		Olmix	France
1547	Mixodil	162-05/06-CN	Bổ sung các loại vitamin, khoáng và axít amin cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu trong suốt	Neolait SAS	France
1548	Mixoligo Plus	163-05/06-CN	Bổ sung khoáng cho vật nuôi	Dạng lỏng, màu xanh lá đậm	Neolait SAS	France
1549	Mobility Support	438-11/05-NN	Thức ăn cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1550	MT.X Plus	177-06/06-CN	Chất bổ sung trong thức ăn chăn nuôi, giúp kiểm soát chất lượng thức ăn, tăng năng suất chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng xám	S.A Olmix	France
1551	Mycotox NG	63-02/08-CN	Bổ sung hỗn hợp các chất Thymol, khoáng	Dạng bột, màu be đến nâu	Ceva Sante Animale	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			vô cơ tự nhiên và nấm men vào thức ăn chăn nuôi nhằm hấp phụ độc tố nấm mốc và tăng trưởng vật nuôi			
1552	Natuphos 10.000g	BASF-330-12/00-KNKL	Bổ sung men Phytase	Bột màu vàng nâu	BASF	France
1553	Natuphos 5000g	BASF-329-12/00-KNKL	Bổ sung men Phytase trong TĂCN	Bột màu vàng nâu	BASF	France
1554	Neomeriol	297-10/07-CN	Bổ sung chất điều hòa gan và thận cho gia súc, gia cầm	Dạng nước, màu nâu	Neolait SAS	France
1555	Neosorb® P20/60 (Powder Sorbitol)	RP-1453-02/03-KNKL	Tăng cường khả năng giải độc cho gia súc		Roquete	France
1556	NLP Super 20	241-07/09-CN	Sản phẩm sữa đậm đặc dùng trong thức ăn chăn nuôi cho lợn con	Dạng bột mịn, màu trắng	Societe Laitiere De Retiers (one of the plants of Lactalis Ingredients Ets. Lactalis Feed)	France
1557	Nor Feed GSE (Grape Seed Extract) Powder	278-08/09-CN	Chất chiết xuất từ hạt nho, được sử dụng làm chất chống oxy hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu nâu sáng	Nor-Feed Sud Sarl	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1558	Novatan	244-5/05-NN	Cải thiện khả năng tiêu hóa protein và tăng khả năng sản sinh sữa cho bò sữa	Dạng bột, màu ghi be	Techna	France
1559	Noyau 1ER AGE Proconco	SP-287-8/01-KNKL	Bổ sung vào thức ăn cho heo con	Dạng bột	Sanders Aliments	France
1560	Noyau 30 Sous La Mere	PRO-243-7/01-KNKL	Cung cấp thức ăn cho lợn con cai sữa		Sanders Aliments	France
1561	Noyau Delice A	358-11/08-CN	Hỗn hợp các loại nguyên liệu nhằm bổ sung vào thức ăn chăn nuôi làm tăng tính ngon miệng và khả năng tiêu hóa cho heo con	Dạng bột, màu trắng ngà hoặc vàng nhạt	Sanders S.A.S	France
1562	Nucleo-Feed	125-04/06-CN	Chất bổ sung đạm trong thức ăn chăn nuôi, giúp cải thiện năng suất vật nuôi, chất lượng thịt	Dạng bột, màu vàng kem	Vitalac	France
1563	Nutri-plus gel	248-08/06-CN	Bổ sung premix vitamin và khoáng cho chó, mèo và heo con	Dạng nhão, màu nâu	Virbac S.A	France
1564	Nutrival Powder	SF-235-6/01-KNKL	Bổ sung vitamin, khoáng, acid amin	Dạng bột	Sogeval Laboratoires	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1565	Obesity	35-02/06-CN	Thức ăn viên cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1566	Obesity	432-11/05-NN	Thức ăn cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1567	Oleobiotic Pig	PF-1783-11/03-NN	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1568	Oleobiotic Poultry	PF-1784-11/03-NN	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1569	Omegalin	352-11/07-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi nhằm bổ sung chất dinh dưỡng cho vật nuôi	Dạng bột, màu nâu đậm	Valorex	France
1570	Omegalin	352-11/07-CN	Phụ gia thức ăn chăn nuôi nhằm bổ sung chất dinh dưỡng cho vật nuôi	Dạng bột, màu nâu đậm	Valorex	France
1571	Optifeed Fish	PF-1785-11/03-NN	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1572	Optifeed Fruity	PP-1559-7/03-KNKL	Bổ sung mùi trái cây, vani, kem trong TĂCN		Phode	France
1573	Optifeed Intake	PP-1558-7/03-KNKL	Bổ sung mùi dâu, vị ngọt kem trong TĂCN		Phode	France
1574	Optifeed Milky Way	PP-1556-7/03-KNKL	Bổ sung mùi vani, kem trong TĂCN		Phode	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1575	Optifeed Milky Way Sweet	PP-1557-7/03-KNKL	Bổ sung mùi vani, vị ngọt, kem trong TĂCN		Phode	France
1576	Optimax M61	142-01/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu ghi tối	Techna	France
1577	Optimax M62	143-01/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi lợn choai	Dạng bột, màu ghi tối	Techna	France
1578	Optimax M63	144-01/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi lợn vỗ béo	Dạng bột, màu ghi	Techna	France
1579	Optimax M64	240-5/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho lợn nái	Dạng bột màu xám	Techna	France
1580	OptiMax M75	224-8/08-CN	Hỗn hợp khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho bò	Dạng bột, màu ghi	Techna	France
1581	Optimax M81	271-6/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong	Dạng bột, màu xám	Techna	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			thức ăn chăn nuôi cho gà con hướng thịt			
1582	Optimax M82	272-6/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho gà thịt	Dạng bột, màu xám	Techna	France
1583	Optimax M84	273-6/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho gà đẻ trứng giống	Dạng bột, màu xám	Techna	France
1584	Optimax M85	274-6/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho gà đẻ trứng thương phẩm	Dạng bột, màu xám	Techna	France
1585	Optimax M92	275-6/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho vịt	Dạng bột, màu xám	Techna	France
1586	Optimax M94	276-6/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho vịt đẻ trứng giống	Dạng bột, màu xám	Techna	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1587	Optimax M95	277-6/05-NN	Premix khoáng và vitamin bổ sung trong thức ăn chăn nuôi cho vịt đẻ trứng thương phẩm	Dạng bột, màu xám	Techna	France
1588	Oral sensitive 30	317-10/07-CN	Thức ăn cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1589	Orange Aroma	PP-578-8/02-KNKL	Tạo hương trong TĂCN		Phode	France
1590	Orange Flavour	NW-53-1/00-KNKL	Chất tạo hương		Technic Aroes	France
1591	Orffavit-Vitamin E 50% Adsorbate	OH-257-7/01-KNKL	Sản xuất Premix trong TĂCN		Orffa Nederland Feed B.V Burgstraat 12. 4283 GG Giessen	France
1592	PA240 – Protical 3+	426-12/08-CN	Hỗn hợp của khoáng, tinh dầu thơm và chất chiết thực vật giàu silic dùng bổ sung vào thức ăn cho gia cầm đẻ trứng	Dạng bột, màu be	Techna SA	France
1593	Pal'Acid	CF-211-6/01-KNKL	Bổ sung hỗn hợp chất axit hóa vào TĂCN		CCA Nutrition	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1594	Palmigreen	381-9/05-NN	Bổ sung premix vitamin trong thức ăn chăn nuôi vịt và ngan	Dạng bột, màu ghi	Techna	France
1595	Pan-Fish 136 (6136)	PM-137-5/00-KNKL	Chất tạo hương cá		Pancosma	France
1596	Pan-Fish 139 (6139)	PM-138-5/00-KNKL	Chất tạo hương cá		Pancosma	France
1597	Persian 30	RF-208-6/01-KNKL	Thức ăn viên cho mèo	Viên	Royal Canin S.A	France
1598	Phodesweet	PP-1560-7/03-KNKL	Bổ sung mùi kẹo mứt trong TĂCN		Phode	France
1599	Phoscal	138-5/11-CN	Bổ sung premix khoáng cho gia súc, gia cầm	Dạng lỏng, màu xanh nhạt	Artimon	France
1600	Phytolayer	32-02/09-CN	Hỗn hợp bột thảo dược, dùng bổ sung trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nhạt	Phytosynthese	France
1601	Pictacid	BF-496-3/02-KNKL	Bổ sung dinh dưỡng trong TĂCN	Màu vàng nhạt	Bonilait Proteines	France
1602	PIDˇVET	221-7/11-CN	Bổ sung caxi trong thức ăn chăn nuôi nhằm cải thiện vỏ trứng và giúp xương chắc khỏe cho gia cầm	Dạng bột, màu hồng	Coophavet	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1603	PIDOLin PCa	67-02/11-CN	Canxi Pidolate, được sử dụng làm nguyên liệu bổ sung Canxi dễ hấp thụ trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Terafeed	France
1604	Piggyboost	71-3/10-CN	Bổ sung chất béo, vi sinh vật có lợi cho đường tiêu hóa, hỗn hợp vitmamin cho lợn con sơ sinh và lợn con còi cọc	Dạng nhão, màu be	NewBorn Animal Care	France
1605	PIGGYBOOST	378-9/05-NN	Bổ sung các chất dinh dưỡng cho lợn con	Dung dịch, màu vàng nhạt	Agrifa Nutrition Animal	France
1606	Pigor ® 730 Code; 6730	PM-296-9/00-KNKL	Chất tạo mùi bơ	Bột màu trắng ngà đến hồng nhạt	Pancosma	France
1607	Pigor 757 (6757)	PM-139-5/00-KNKL	Chất tạo hương thơm tự nhiên		Pancosma	France
1608	Pigor Magnasweet 237, code 6237	206-7/08-CN	Bổ sung hỗn hợp hương liệu (các hợp chất hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu hơi trắng đến hồng nhạt	Pancosma France S.A	France
1609	Pigor Magnasweet 241, code 6241	207-7/08-CN	Bổ sung hỗn hợp hương liệu (các hợp chất hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu xám nâu	Pancosma France S.A	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1610	Pigor Magnasweetr 219	PM-288-9/00-KNKL	Tạo hương thơm, vị ngọt cho TĂCN	Bột màu hồng nhạt	Pancosma S.A	France
1611	Pigor® 711	279-6/05-NN	Hỗn hợp hương liệu tự nhiên bổ sung vào thức ăn chăn nuôi nhằm tăng hương và vị	Dạng bột, màu hơi trắng đến hồng	Pancosma France S.A	France
1612	Pigortek® 650 Code 6650	23-1/07-CN	Bổ sung hương trái cây trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu vàng nhạt	Pancosma France S.A	France
1613	Pigortek® 657, code 6657	157-6/11-CN	Bổ sung chất tạo mùi mật ong và vani (từ các hợp chất hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu hơi trắng đến hồng nhạt	Pancosma France S.A.S.	France
1614	Pigortek® 658, code 6658	158-6/11-CN	Bổ sung chất tạo mùi trái cây mâm xôi (từ các hợp chất hữu cơ) trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	Dạng bột, màu hơi trắng đến hồng nhạt	Pancosma France S.A.S	France
1615	Pigstart	308-10/11-CN	Bổ sung các chất dinh dưỡng (từ sản phẩm của trứng, dầu gan cá tuyết, sản phẩm từ sữa, premix vitamin)	Dạng dung dịch sệt, màu vàng	Bio Armor Developpement	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			và vi khuẩn có lợi Pediococcus acidilactici MA18/5M cho lợn con			
1616	Poisson S69	PF-217-7/00-KNKL	Chất tạo hương cá cho TĂCN		Phodes Aromas & Nutrition	France
1617	Polic Acid Vitamin B_9	AA-51-2/01-KNKL	Bổ sung vitamin B_9 cho TĂCN	Dạng bột, màu vàng cam	Adisseo	France
1618	Polycalcium Croissance	298-10/07-CN	Bổ sung vitamin, khoáng và axít amin cho gia súc, gia cầm.	Dạng bột, màu nâu nhạt	Neolait SAS	France
1619	Polyvit	GUYO-63-1/00-KNKL	Bổ sung vitamin & axit amin		Guyomarch Nutrition Animal.	France
1620	Pongo	GUY-4-98-KN	Thức ăn nuôi chó		Guyomarch Nutrition Animal	France
1621	Porcilac 35	270-9/11-CN	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho lợn con (bao gồm: các sản phẩm từ sữa; sản phẩm và phụ phẩm từ hạt có dầu, cây và củ; dầu và mỡ)	Dạng bột, màu kem sậm	Societe Laitiere De Retiers	France
1622	Porcilac 72	271-9/11-CN	Nguyên liệu thức ăn chăn nuôi cho lợn con	Dạng bột, màu kem sậm	Societe Laitiere De Retiers	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
			(bao gồm: các sản phẩm từ sữa; sản phẩm và phụ phẩm từ hạt có dầu, cây và củ; dầu và mỡ)			
1623	Premix 0.25% Breeder	05-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và khoáng cho gà giống	Dạng bột, màu nâu nhạt đến xám	MG2MIX	France
1624	Premix 0.25% Broiler	06-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và khoáng cho gà thịt	Dạng bột, màu nâu nhạt đến xám	MG2MIX	France
1625	Premix 0.25% Duck	04-01/11-C N	Bổ sung hỗn hợp vitamin và khoáng cho vịt	Dạng bột, màu nâu nhạt đến xám	MG2MIX	France
1626	Premix 0.25% Layer	07-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và khoáng cho gà đẻ trứng	Dạng bột, màu nâu nhạt đến xám	MG2MIX	France
1627	Premix 0.25% Pig Grower-Finisher	09-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và khoáng cho lợn thịt	Dạng bột, màu nâu nhạt đến xám	MG2MIX	France
1628	Premix 0.25% Piglet	08-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và khoáng cho lợn con	Dạng bột, màu nâu nhạt đến xám	MG2MIX	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1629	Premix 0.25% Sow	10-01/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin và khoáng cho lợn nái	Dạng bột, màu nâu nhạt đến xám	MG2MIX	France
1630	Premix PTS 120	MP-534-01/02-KNKL	Bổ sung vitamin, khoáng cho heo thịt		Mg2mix	France
1631	Premix PTS 200	MP-532-01/02-KNKL	Bổ sung vitamin, khoáng cho heo nái		Mg2mix	France
1632	Premix PTX 240	MP-533-01/02-KNKL	Bổ sung vitamin, khoáng cho heo con		Mg2mix	France
1633	Primanimal $N^0$6	SP-1493-5/03-KNKL	Chất thay thế sữa cho gia súc nhỏ		Sofivo BP20.50890 Conde Sur - Vire	France
1634	Primanimal $N^0$6	SP-1493-5/03-KNKL	Chất thay thế sữa cho gia súc nhỏ	Dạng bột, màu vàng kem	Sofivo BP20-50890 Condesur- Vire	France
1635	Primapig 200	SP-1494-5/03-KNKL	Chất thay thế sữa cho heo con	Dạng bột, màu kem	Sofivo BP20-50890 Conde Sur- Vire	France
1636	Primolac	*GUY-5-8/00-KNKL	Bổ sung protein, a xít amin, chất khoáng	Dạng bột	Guyomarch Nutrition Animale	France
1637	Prisma Hit	EP-1646-8/03-KNKL	Bổ sung Vitamin C trong TĂCN		EVIALIS	France
1638	Prisma Jet	175-6/07-CN	Hỗn hợp khoáng chất, chất chiết thực vật và sản phẩm phụ từ ngũ cốc dùng trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu nâu be	Sermix (Subsidiary of Evialis)	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1639	PRISMA OSTI	EP-1647-8/03-KNKL	Bổ sung Vitamin A, D_3, E, B_1 và C trong TĂCN		EVIALIS	France
1640	Prismacid Avipro	176-6/07-CN	Hỗn hợp khoáng chất dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng	Sermix (Subsidiary of Evialis)	France
1641	Prismacid Pig Pro	177-6/07-CN	Hỗn hợp các acid hữu cơ dùng bổ sung vào thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be nhạt	Sermix (Subsidiary of Evialis)	France
1642	Provimax	252-8/08-CN	Bổ sung chất chống khuẩn (hỗn hợp acid hữu cơ và muối của chúng) trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu kem đến nâu nhạt với những hạt xám	Provimi France	France
1643	Provimi Orange Nectar	14-01/09-CN	Bổ sung chất tạo mùi thơm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng phớt xanh	Centralys	France
1644	Provimi Red Fruit Aroma	13-01/09-CN	Bổ sung chất tạo mùi thơm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Centralys	France
1645	Provimi Vanilla Nectar	12-01/09-CN	Bổ sung chất tạo mùi thơm trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu trắng kem	Centralys	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1646	Provita' Bee	194-3/05-NN	Bổ sung protein, vitamin cho ong	Dạng bột, màu trắng	Laboratoires Biove'	France
1647	Puppy'boost	379-12/09-CN	Thức ăn bổ sung dinh dưỡng cho chó và mèo	Dạng dung dịch, màu hồng	Newborn Animal Care	France
1648	PX Asco	IM-1463-4/03-KNKL	Bổ sung đường trong TĂCN		Alfalis	France
1649	Refferhyboost	148-4/10-CN	Bổ sung hỗn hợp muối khoáng, chất điện giải vào thức ăn cho gia cầm	Dạng viên sủi, màu trắng, mùi không đặc trưng	New Born Animal Care	France
1650	Refferhyboost+	149-4/10-CN	Bổ sung hỗn hợp muối khoáng, chất điện giải vào thức ăn cho gia cầm	Dạng viên sủi, màu tía, mùi quả nho	New Born Animal Care	France
1651	Regal 10	149-01/05-NN	Bổ sung khoáng, đạm và vitamin trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu nâu sáng	Techna	France
1652	Regal 5	146-5/11-CN	Bổ sung hỗn hợp vitamin, khoáng vi lượng và enzyme tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi lợn con	Dạng bột, màu be	Techna SA	France
1653	Regalac 38	379-9/05-NN	Bổ sung protein trong thức ăn chăn nuôi lợn	Dạng bột, màu be	Techna	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1654	Regasur	245-5/05-NN	Làm môi trường thuận lợi cho hệ vi khuẩn lactic giúp phòng chống hiệu quả bệnh tiêu chảy cho lợn	Dạng bột màu be	Techna	France
1655	Renal	436-11/05-NN	Thức ăn cho chó	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1656	Renal	439-11/05-NN	Thức ăn cho mèo	Dạng viên, màu nâu	Royal Canin S.A	France
1657	Rhodimet AT 88	AA-53-2/01-KNKL	Bổ sung đạm (protein) cho TĂCN	Dạng lỏng, màu trắng kem	Adisseo	France
1658	Rhodimet NP 99	AA-52-2/01-KNKL	Bổ sung đạm (protein) cho TĂCN	Dạng bột, màu nâu	Adisseo	France
1659	Rovabio Excel AP 10 T-Flex	346-10/09-CN	Bổ sung enzyme trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột mịn, màu vàng nhạt	Adisseo France SAS	France
1660	Rovabio® Excel AP T-Flex	265-8/08-CN	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be	Adisseo France S.A.S	France
1661	Rovabio® Max AP	264-8/08-CN	Bổ sung men tiêu hóa trong thức ăn chăn nuôi	Dạng bột, màu be	Adisseo France S.A.S	France
1662	Rovabio™ Excel LC	AP-721-10/02-KNKL	Bổ sung men tiêu hóa trong TĂCN	Dạng lỏng, màu nâu nhạt	Adisseo	France
1663	Rovimix ® A500 WS	RP-1345-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin A trong TĂCN	Hạt mịn, màu hơi nâu	DSM Nutritional Products France SAS	France

Số TT	Tên thức ăn chăn nuôi	Số đăng ký nhập khẩu	Bản chất, công dụng	Dạng, màu	Hãng, nước sản xuất	
					Hãng	Nước
1664	Rovimix ® AD_3 500/100	RP-591-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin A; D_3 trong TĂCN	Hạt mịn, màu nâu đậm	DSM Nutritional Products France SAS	France
1665	Rovimix ® Beta Carotene 10%	RP-601-8/02-KNKL	Cung cấp Beta- Carotene trong TĂCN	Hạt mịn, màu đỏ nâu	DSM Nutritional Products France SAS	France
1666	Rovimix ® D_3-500	RP-593-8/02-KNKL	Cung cấp Vitamin D_3 trong TĂCN	Bột màu nâu nhạt	DSM Nutritional Products France SAS	France
1667	Rovimix ® E50 SD	PR-1346-12/02-KNKL	Cung cấp Vitamin E trong TĂCN	Bột màu vàng nhạt	DSM Nutritional Products France SAS	France

(Xem tiếp Công báo số 449 + 450)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng